

ĐÍNH KÈM THEO HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu: Gói 04: Vật tư tiêu hao khối ngoại 2026

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:

STT	NỘI DUNG	
1	Dự toán mua sắm	Gói 04: Vật tư tiêu hao khối ngoại 2026
2	Tổng dự toán (VND):	99.348.464.000 VND (Chín mươi chín tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)
3	Nguồn vốn:	Nguồn thu viện phí và các nguồn thu hợp pháp khác của bệnh viện
4	Chủ đầu tư:	Bệnh viện Nhân dân 115
5	Địa chỉ Chủ đầu tư:	Số 527 đường Sur Vạn Hạnh, Phường Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh
6	Tên gói thầu:	Gói 04: Vật tư tiêu hao khối ngoại 2026
7	Giá gói thầu (VND):	99.348.464.000 VND (Chín mươi chín tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)
8	Hình thức LCNT:	Đấu thầu rộng rãi
9	Phương thức LCNT:	Một giai đoạn một túi hồ sơ
10	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT:	Quý I năm 2026
11	Loại hợp đồng:	Theo đơn giá cố định
12	Thời gian thực hiện gói thầu:	365 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực
13	Quy mô gói thầu:	Danh mục hàng hóa gồm 192 phần lô, 252 hạng mục (mặt hàng).
14	Tùy chọn mua thêm:	Áp dụng

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CHUNG

ST T	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp: Tất cả file tài liệu nộp là bản scan
1	Phạm vi cung cấp	Có đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Ghi chú: Nhà thầu kê khai các thông tin bổ sung của hàng hóa dự thầu theo các quy định của pháp luật chuyên ngành về quản lý TBYT hoặc các hàng hóa khác tại Bảng thông tin hàng hoá dự thầu. (Tham khảo mẫu đính kèm tại trang 82 Chương V)	Mẫu số 10B (webform); Ghi chú: Bảng thông tin hàng hoá dự thầu: nộp file excel.
2	Tài liệu chứng minh đủ điều kiện lưu hành TBYT	2.1. Nhà thầu nộp tài liệu số lưu hành TBYT còn hiệu lực: - Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế thuộc loại A, B; hoặc - Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thiết bị y tế thuộc loại B, C, D; 2.2. Nhà thầu cam kết đầy đủ các nội dung sau đây về điều kiện lưu hành TBYT dự thầu: - Có nhãn với đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa; - Có tài liệu hướng dẫn sử dụng của TBYT bằng tiếng Việt; - Có tài liệu thể hiện là TBYT sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu TBYT hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành.	- Các tài liệu về số lưu hành phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y Tế (https://imda.moh.gov.vn) còn hiệu lực và không bị thu hồi. - Bản cam kết: Nộp bản gốc.

ST T	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp: Tất cả file tài liệu nộp là bản scan
3	Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT thuộc loại B, C, D.	Nhà thầu dự thầu TBYT thuộc loại B, C, D phải nộp tài liệu: Thông tin (hoặc Phiếu tiếp nhận) hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán TBYT thuộc loại B, C, D	Số công bố được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế (https://imda.moh.gov.vn) và không bị thu hồi.
4	Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa	Nhà thầu có cam kết tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế, phù hợp với quy mô gói thầu.	Bản cam kết: Nộp bản gốc.
5	Tiến độ cung cấp hàng hóa	- Nhà thầu phải có tiến độ cung cấp hàng hóa (Mẫu số 10A) phù hợp với yêu cầu của Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa; - Nhà thầu phải cam kết đầy đủ các nội dung sau đây: + Giao hàng gồm nhiều đợt theo yêu cầu của Bệnh viện; + Giao hàng trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhân dân 115.	Bản cam kết: Nộp bản gốc.
6	Cam kết các điều khoản chung	Nhà thầu phải cam kết đầy đủ các nội dung sau đây: - Khi cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo về việc hàng hóa trúng thầu có giá trúng thầu cao hơn hàng hoá có cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất,... của các cơ sở khám chữa bệnh khác và cơ quan Bảo hiểm xã hội từ chối thanh toán phần chênh lệch giá tương ứng với số lượng hàng hóa đã sử dụng trước đó, thì Nhà thầu sẽ giảm giá cho Bệnh viện bằng với giá trúng thầu của cơ sở khám chữa bệnh đó, đồng thời Nhà thầu có trách nhiệm bồi hoàn số tiền chênh lệch theo văn bản của cơ quan Bảo hiểm xã hội gửi Bệnh viện trên cơ sở thương thảo thống nhất giữa nhà thầu và Bệnh viện; hoặc thị trường có sự điều chỉnh giảm thì Nhà thầu giảm giá cho Bệnh viện;	Bản cam kết: Nộp bản gốc.

ST T	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp: Tất cả file tài liệu nộp là bản scan
		- Tại thời điểm đối chiếu tài liệu, cam kết cung cấp, cập nhật mã vật tư y tế theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 hoặc theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021; - Cam kết cung cấp bản gốc hoặc bản sao y tờ khai hải quan của các hàng hóa nhập khẩu đã cung ứng cho Bệnh viện khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bệnh viện (trường hợp yêu cầu này được đưa ra từ cơ quan chức năng có thẩm quyền); - Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, đảm bảo đúng với các thông tin sản phẩm đã được phê duyệt trúng thầu, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hoá và giao hàng đến kho của Bệnh viện Nhân dân 115; - Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, nếu bị lỗi do nhà sản xuất hoặc hết thời hạn sử dụng hoặc bị lỗi trong quá trình vận chuyển đến kho Bệnh viện Nhân dân 115, nhà thầu sẽ tiến hành thu hồi và đổi trả, hoặc thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật; - Thời hạn sử dụng hàng hóa trúng thầu do nhà thầu cung cấp (tính từ thời điểm giao hàng hóa) luôn đảm bảo còn tối thiểu $\frac{1}{4}$ thời hạn; - Cung cấp một bộ Hồ sơ quản lý chất lượng TBYT khi có yêu cầu của Bệnh viện; - Các thiết bị y tế dự thầu thực hiện niêm yết giá và kê khai giá theo đúng các quy định tại khoản 9 và 10 của Nghị định 07/2023/NĐ-CP; - Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có) tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu;	

ST T	Tiêu chí	Nội dung và các tiêu chuẩn yêu cầu	
		Nội dung và các tiêu chuẩn	Yêu cầu về tài liệu nộp: Tất cả file tài liệu nộp là bản scan
		- Đảm bảo TBYT dự thầu an toàn, chất lượng, phân loại đúng mức độ rủi ro và công bố tiêu chuẩn áp dụng, đăng ký lưu hành đúng quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất của Nghị định. - Đối với các vật tư y tế dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình và phẫu thuật ngoại thần kinh, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ (gồm khoan, mũi khoan, cưa xương và các trợ cụ phù hợp); đối với các vật tư y tế khác, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị y tế và trợ cụ liên quan nhằm bảo đảm việc sử dụng hàng hóa trúng thầu phục vụ cho các ca phẫu thuật, thủ thuật theo nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện khi có yêu cầu. Tất cả các thiết bị, trợ cụ nêu trên bảo đảm nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng và được phép lưu hành theo đúng quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất có liên quan.	

*** Lưu ý:**

- Thông tin về hàng hóa dự thầu: kê khai thống nhất giữa Webform (mẫu số 10B) và Bảng thông tin hàng hóa dự thầu; khi có bất kỳ khác biệt nào thì thông tin kê khai trên Webform sẽ là cơ sở đánh giá; trường hợp Nhà thầu không kê khai hoặc kê khai chưa đầy đủ, chính xác Bảng thông tin hàng hóa dự thầu thì Chủ đầu tư sẽ yêu cầu Nhà thầu làm rõ E-HSDT.
- Chứng loại, ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất: kê khai cụ thể, chi tiết, đầy đủ theo đúng thông tin trên Sổ lưu hành (Chi tiết theo mục 15.8 chương I. Chỉ dẫn nhà thầu và Bảng tiến độ cung cấp (Mẫu số 10B) E-HSMT).
- Bảng thông tin hàng hóa dự thầu: Tham khảo theo mẫu đính kèm.
- Bản cam kết: nộp bản gốc có đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu; hoặc nộp bản gốc của văn bản ký số có thể kiểm tra được chữ ký số, dấu điện tử (nếu có), theo quy định Nghị định 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025). Nhà thầu tham khảo Mẫu số 21.

B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỤ THỂ

Các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT được viết bằng tiếng Việt. Trường hợp các tài liệu hỗ trợ trong E-HSDT (catalog, brochure, ...) để chứng minh đáp ứng kỹ thuật (bản gốc chưa dịch thuật) được viết bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt, giữa bản gốc và bản dịch có sự sai khác về nội dung thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Chấp nhận các thông số kỹ thuật dùng dấu chấm (.) thay cho dấu phẩy (,) ngăn cách giữa phần nguyên và phần thập phân; Inch, số nhiều là inches; ký hiệu hoặc viết tắt là in, đôi khi là " (dấu phẩy trên kép).

****Lưu ý:**

Trường hợp E-HSMT yêu cầu kích thước “trong phạm vi từ ... đến ...”: Các ký mã hiệu dự thầu chỉ cần thuộc phạm vi của thông số kỹ thuật yêu cầu, không yêu cầu phải bắt buộc có đủ kích thước cận trên và cận dưới. Ví dụ: E-HSMT yêu cầu kích thước “trong phạm vi từ 1cm đến 5cm”, nhà thầu dự thầu các kích thước sau đây sẽ đáp ứng yêu cầu (2, 3, 4) cm hoặc (1, 3, 5) cm hoặc (2, 3, 4, 5) cm hoặc (1; 1,5; 2; 3) cm, ...

Trường hợp E-HSMT yêu cầu “kích thước từ... đến...” (không có chữ “trong phạm vi”) thì các mã sản phẩm dự thầu phải có đúng và đầy đủ kích thước của cả cận trên và cận dưới thì mới được đánh giá đáp ứng yêu cầu. Ví dụ: E-HSMT yêu cầu kích thước “kích thước từ 1cm đến 5cm” thì bắt buộc phải có kích thước cận dưới là 1cm và cận trên là 5cm, các kích thước còn lại nằm trong phạm vi 1cm đến 5cm, trường hợp mẫu cụ thể các kích thước sau đây sẽ đáp ứng yêu cầu: (1, 2, 3, 4, 5)cm hoặc (1, 3, 5)cm hoặc (1; 1,5; 2,5 ; 3,5; 4,5; 5)cm, hoặc (1, 5)cm ; các kích thước sau đây được đánh giá không đáp ứng yêu cầu: (2, 3, 4, 5)cm, (1, 2, 3, 4)cm, (2, 3, 4)cm, (2,5; 3,5; 4)cm,...

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu kích thước nhưng kèm dung sai ($\pm$) thì nhà thầu lưu ý quy đổi đảm bảo đáp ứng trong phạm vi dung sai cho phép. Ví dụ: E-HSMT yêu cầu kích thước (10cm x 10cm) ($\pm$ 1cm) nhà thầu có thể dự kích thước 9cm hoặc 11cm theo dung sai cho phép.

B1. Tài liệu kỹ thuật:

Nhà thầu nộp catalog, hoặc các tài liệu kỹ thuật khác có giá trị tương đương. Trường hợp tài liệu kỹ thuật không thể hiện hoặc thể hiện chưa đầy đủ các tính năng kỹ thuật E-HSMT yêu cầu, nhà thầu có thể cung cấp thêm hình ảnh của sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc các hình ảnh khác của sản phẩm dự thầu. Tất cả file tài liệu nộp là bản scan màu. Trường hợp tài liệu không bằng tiếng Việt: nộp kèm bản dịch sang tiếng Việt.

Ký mã hiệu dự thầu đáp ứng đúng và đủ (không thừa, không thiếu) các yêu cầu về tính năng kỹ thuật cụ thể của hàng hóa mời thầu được nêu tại mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật_Chương V. Trường hợp có bất kỳ ký mã hiệu nào không đáp ứng tiêu chí chi tiết trong tiêu chí kỹ thuật yêu cầu của hạng mục thì hạng mục đó được đánh giá là không đáp ứng và toàn bộ phần lô dự thầu đó không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện tài liệu cung cấp trong E-HSDT không phải là tài liệu nguyên vẹn, tài liệu có dấu hiệu được cắt ghép, chỉnh sửa và có các thông tin kỹ thuật và các tiêu chuẩn khác biệt với thông tin trong các tài liệu lưu hành được công bố, công khai theo quy định hoặc có sự khác biệt so với thông tin chính thống từ nhà sản xuất/chủ sở hữu công bố (website hoặc các kênh thông tin chính thức) nhằm mục đích đáp ứng tiêu chuẩn yêu cầu của E-HSMT mà không có văn bản giải trình về sự khác biệt kèm tài liệu minh chứng của

nhà sản xuất/chủ sở hữu thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét đánh giá và Chủ đầu tư tiến hành các bước tiếp theo để xem xét xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Đối với nội dung yêu cầu Tiêu chuẩn sản xuất, chứng nhận chất lượng như CE, CFG, FDA,... tại mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật Chương V: Nhà thầu nộp bản gốc hoặc bản chụp có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu; nếu tài liệu do nước ngoài cấp thì nộp kèm bản dịch sang tiếng Việt, nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch.

Đối với nội dung yêu cầu “Xuất xứ” nêu tại mục B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật Chương V: thông tin đề xuất của Nhà thầu về “Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)” tại Mẫu số 10B và các tài liệu kỹ thuật khác phù hợp yêu cầu sẽ được đánh giá là “đáp ứng”.

B2. Yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
1	PP2600062 368	Bộ đỉnh chốt căng chân, chất liệu thép y khoa, đường kính từ 8mm đến 9mm; chiều dài từ 240mm đến 340mm. Kèm 04 vít chốt đường kính 4.0mm.	Bộ	- Kích thước: đường kính từ 8mm đến 9mm; chiều dài từ 240mm đến 340mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Đỉnh: loại thân đỉnh đặc, đầu gần của đỉnh có 2 lỗ chốt: 1 lỗ chốt tròn và 1 lỗ vít chốt động, vùng đầu xa (mũi thân đỉnh) có 2 lỗ chốt tròn, có nắp đậy đầu đỉnh, + 04 vít chốt đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, đầu vít có ren ngược, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh, vít dài từ 30mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size.
2	PP2600062 369	Bộ đỉnh chốt đuôi, chất liệu thép y khoa, đường kính 9mm, 10mm; chiều dài từ 300mm đến 400mm. Kèm 04 vít chốt đường kính 4.0mm.	Bộ	- Kích thước: đường kính 9mm đến 10mm; chiều dài từ 300mm đến 400mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Đỉnh: loại thân đỉnh rỗng, đầu gần của đỉnh có 2 lỗ chốt: 1 lỗ chốt tròn và 1 lỗ vít chốt động, vùng đầu xa (mũi thân đỉnh) có mặt vát định vị và có 2 lỗ chốt, có nắp đậy đầu đỉnh + 04 vít chốt đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, đầu vít có ren ngược, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh, vít dài từ 30mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size.
3	PP2600062 370	Bộ đỉnh nội tủy xương chày đa hướng, chất liệu titanium, đường kính 8mm đến 11mm (kèm nắp đỉnh và 4 vít) các cỡ.	Bộ	- Kích thước: đường kính từ 8mm đến 11mm; chiều dài trong phạm vi từ 250mm đến 395mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Đỉnh: loại thân đỉnh rỗng, đầu gần của đỉnh có 4 lỗ chốt đa hướng và 1 lỗ vít chốt động, vùng mũi thân đỉnh có mặt vát định vị, vùng đầu xa (mũi thân đỉnh) có 3 lỗ chốt tròn 2 hướng và 1 lỗ chốt tròn đa hướng, có nắp đậy đầu đỉnh. + Sử dụng: 02 vít chốt đường kính thân vít 4.3mm, đường kính ngoài đầu vít 8.0mm,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít chốt đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài đầu vít là 8.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 105mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size
4	PP2600062 371	Bộ đỉnh nội tủy xương đùi đa hướng, chất liệu titanium, đường kính 9mm đến 12mm (kèm nắp đỉnh và 4 vít) các cỡ.	Bộ	- Kích thước: đường kính 9mm đến 12mm; chiều dài trong phạm vi từ 295mm đến 445mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Đỉnh: có loại trái và loại phải, loại thân đỉnh rỗng, đầu gần của đỉnh có 3 lỗ chốt (trong đó có 2 lỗ chốt chéo cố định vùng cổ xương đùi góc 135 độ) và 1 lỗ vít chốt động, vùng đầu xa (mũi thân đỉnh) có mặt vát đỉnh vị giúp khung xác định vị trí khoan lỗ chốt và có 2 lỗ chốt, có nắp đậy đầu đỉnh. + Sử dụng: 02 vít chốt đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài đầu vít là 8.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 105mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít chốt đường kính thân vít 6.5mm, thân vít ren bán phần, vít dài từ 30mm đến 115mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size.
5	PP2600062 372	Bộ đỉnh cổ xương đùi, chất liệu titanium, đường kính từ 9mm đến 11mm, chiều dài từ 170 mm đến 240mm. Kèm 01 vít chốt đường kính 10.0mm và 02 vít chốt đường kính 5.0mm.	Bộ	- Kích thước: đường kính 9mm đến 11mm; chiều dài từ 170mm đến 240mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Đỉnh: loại thân đỉnh rỗng, phần thân trên đỉnh chốt tạo góc 5 độ với thân đỉnh và có đường kính 15.5mm, đầu đỉnh có 1 lỗ chéo để bắt vít nén ép titanium, đường kính 10mm, thân đỉnh có 2 lỗ để bắt vít chốt tròn đường kính 5.0mm, có nắp đậy đầu đỉnh . + Sử dụng: 01 vít chốt đường kính thân vít 10.0mm, đầu vít rỗng có nắp vít rỗng, thân vít bán phần dài 42mm, vít dài từ 70mm đến 120mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít chốt đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài đầu vít là 8.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				đến 105mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size
6	PP2600062 373	Bộ đinh cổ xương đùi, chất liệu titanium, đường kính từ 9mm đến 11mm, chiều dài từ 320 mm đến 420mm. Kèm 01 vít chốt đường kính 10.0mm và 02 vít chốt đường kính 5.0mm.	Bộ	- Kích thước: đường kính 9mm đến 11mm; chiều dài từ 320 mm đến 420mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: loại thân đinh rộng, phân biệt trái/phải, phần đầu đinh chốt tạo góc 5 độ với thân đinh và có đường kính 15.5mm, đầu đinh có 1 lỗ chéo để bắt vít nén ép titanium, đường kính 10mm, vùng đầu xa của đinh có mặt vát định vị, mũi thân đinh có 2 lỗ tròn để bắt vít chốt đường kính 5.0mm, có nắp đậy đầu đinh. + Sử dụng: 01 vít chốt đường kính thân vít 10.0mm, đầu vít rộng ở lục giác có nắp vít rộng, thân vít bán phần dài 42mm, mũi vít lưỡi xoắn, vít dài từ 70mm đến 120mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít chốt đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài đầu vít là 8.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 105mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size
7	PP2600062 374	Bộ nẹp khóa xương đòn, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 10 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 65mm đến 120mm (± 2mm). - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, thân nẹp kiểu mắc xích, nẹp dày 3mm (± 0.2mm), rộng 10mm (± 0.5mm), thân nẹp lỗ ren vít khoá tròn + Sử dụng: Từ 6 vít đến 10 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
8	PP2600062 375	Bộ nẹp khóa khớp cùng đòn II, chất liệu thép y khoa (3 lỗ đến 5 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 5 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 125mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 15.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn và chiều sâu phần mũi nẹp từ 15mm-18mm. Thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ ren vít khóa tròn. + Sử dụng: Từ 5 vít đến 9 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
9	PP2600062 376	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, chất liệu thép y khoa (từ 3 lỗ đến 10 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 90mm đến 190mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 2.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 20mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 12mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 8 lỗ ren vít khóa tròn và 1 lỗ bắt vít hình số tám tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp . + Sử dụng: Từ 12 vít đến 19 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
10	PP2600062 377	Bộ nẹp khóa chi trên cánh tay, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 12 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 90 mm đến 190mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 11.5mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 12 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
11	PP2600062 378	Bộ nẹp khóa đầu dưới cánh tay mặt ngoài, chất liệu thép y khoa (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 90mm đến 200mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 22mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 3mm (± 0.2mm) và rộng 11mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 8 vít đến 16 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
12	PP2600062 379	Bộ nẹp khóa đầu dưới cánh tay mặt trong, chất liệu thép y khoa (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5lỗ đến 13lỗ, dài trong phạm vi từ 80 mm đến 200mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 11.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 2.2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 12mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 2 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 7 vít đến 15 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
13	PP2600062 380	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 10 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 100mm đến 200 mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 1.6mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 14.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 8 lỗ ren

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 12 vít đến 18 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
14	PP2600062 381	Bộ nẹp khóa cẳng tay, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 12 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 70 mm đến 160mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 12 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
15	PP2600062 382	Bộ nẹp khóa mắt xích, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 14 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 14 lỗ, dài trong phạm vi từ 40 mm đến 170mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm). Thân

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				nẹp kiểu mắc xích, lỗ ren vít khoá tròn. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 14 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
16	PP2600062 383	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay, chữ T, chất liệu thép y khoa (từ 3 lỗ đến 8 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 40mm đến 110mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: kiểu chữ T, đầu nẹp dày 1mm (± 0.2 mm) và rộng 24.5mm (± 0.5 mm), thân nẹp dày 1.2mm (± 0.2 mm) và rộng 10.5mm (± 0.5 mm). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khoá tròn và cong nhẹ phần đầu nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít ren khoá hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 11 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
17	PP2600062 384	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay, chữ T 45 độ, chất liệu thép y khoa (từ 3 lỗ đến 8 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 50mm đến 110mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ T

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				ngiêng góc 45 độ, đầu nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm) và rộng 24mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, thân nẹp lỗ bắt vít ren khoá hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 11 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
18	PP2600062 385	Bộ nẹp khóa cổ xương đùi, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 10 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 100mm đến 280mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 27mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 5mm (± 0.2mm) và rộng 17mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 4 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp + Sử dụng: Từ 8 vít đến 17 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
19	PP2600062	Bộ nẹp khóa đùi, chất	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 14 lỗ, dài trong

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
	386	liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 14 lỗ)		phạm vi từ 120mm đến 280mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 6mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 17mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 14 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
20	PP2600062 387	Bộ nẹp khóa lồng cầu đùi, chất liệu thép y khoa (từ 5 lỗ đến 10 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 150mm đến 350mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 33mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 17mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 7 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 12 vít đến 22 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm -7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				mỗi cỡ size.
21	PP2600062 388	Bộ nẹp khóa đầu trên cẳng chân, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 11 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 11 lỗ, dài trong phạm vi từ 120mm đến 260mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 24mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 4mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 14.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy và có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 7 vít đến 14 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
22	PP2600062 389	Bộ nẹp khóa mâm chày, chữ L, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 8 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 150mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ L, đầu nẹp dày 1.6mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 42mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 1.6mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 16mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, thân nẹp kiểu móc xích, lỗ bắt vít khóa hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 7 vít đến 11 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
23	PP2600062 390	Bộ nẹp khóa mâm chày, chữ T, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 8 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 60mm đến 180mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: kiểu chữ T, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 37mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 16mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 2 lỗ ren vít khóa tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ bắt vít khoá hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 13 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
24	PP2600062 391	Bộ nẹp khóa căng chân, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 12 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 120mm đến 260mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 4.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 14mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 13 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				-7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
25	PP2600062 392	Bộ nẹp khóa trần chày (mặt trong), chất liệu thép y khoa (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 60mm đến 190mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 23mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 16mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 4 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹt. + Sử dụng: Từ 9 vít đến 17 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm -7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
26	PP2600062 393	Bộ nẹp khóa trần chày (mặt trong, 9 lỗ đầu), chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 13 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 110mm đến 260mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 21mm ($\pm 0.5\text{mm}$) thân nẹp dày 3.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 11mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 9 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 14 vít đến 23 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
27	PP2600062 394	Bộ nẹp khóa trần chày (mặt ngoài), chất liệu thép y khoa (từ 5 lỗ đến 17 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 17 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 220mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 33mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 13mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 6 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 11 vít đến 21 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
28	PP2600062 395	Bộ nẹp khóa xương mác, chất liệu thép y khoa (từ	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 130mm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		4 lỗ đến 8 lỗ)		- Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm) và rộng 13mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 1.8mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 4 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình tròn. + Sử dụng: Từ 8 vít đến 12 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm -5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm-5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
29	PP2600062 396	Bộ nẹp khóa xương đòn, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 120mm - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, thân nẹp kiểu mắc xích, nẹp dày 3mm (± 0.2mm), rộng 10mm (± 0.5mm), thân nẹp lỗ ren vít khóa tròn + Sử dụng: Từ 6 vít đến 10 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm -5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm-5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
30	PP2600062 397	Bộ nẹp khóa khớp cùng đòn II, chất liệu titanium	Bộ	- Kích thước: từ 2 lỗ đến 6 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 120mm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		(trái/phải, các cỡ)		- Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 15.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn và chiều sâu phần mũi nẹp từ 15mm-18mm. Thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ ren vít khoá tròn. + Sử dụng: Từ 5 vít đến 9 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm -5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm -5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
31	PP2600062 398	Bộ nẹp khóa đầu trên cánh tay, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 90mm đến 190mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 2.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 20mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 12mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 8 lỗ ren vít khóa tròn và 1 lỗ bắt vít hình số tám tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 12 vít đến 19 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm-5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm -5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
32	PP2600062 399	Bộ nẹp khóa chi trên cánh tay chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 90mm đến 190mm. - Chất liệu: titanium - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 11.5mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 12 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
33	PP2600062 400	Bộ nẹp khóa đầu dưới cánh tay mặt ngoài, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 95mm đến 200mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 22mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 3mm (± 0.2mm) và rộng 11mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 8 vít đến 16 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm -5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm-5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
34	PP2600062 401	Bộ nẹp khóa đầu dưới cánh tay, mặt trong, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 200mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 11.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 2.2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 12mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 2 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 7 vít đến 15 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm-5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm-5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
35	PP2600062 402	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 110mm đến 200mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 1.6mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 14.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 8 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 12 vít đến 18 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
36	PP2600062 403	Bộ nẹp khóa căng tay, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 160mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 12 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm-5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm -5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
37	PP2600062 404	Bộ nẹp khóa mắc xích, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 14 lỗ, dài trong phạm vi từ 40mm đến 170mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm). Thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ ren vít khóa tròn.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				+ Sử dụng: Từ 4 vít đến 14 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
38	PP2600062 405	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 40mm đến 100mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: kiểu chữ T, đầu nẹp dày 1mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 24.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 1.2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, thân nẹp lỗ bắt vít ren khoá hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 11 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
39	PP2600062 406	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay, chữ T 45 độ, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 50mm đến 110mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ T nghiêng góc 45 độ, đầu nẹp dày 1.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 24mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 1.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, thân nẹp lỗ bắt vít ren khoá hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 11 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm-5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm-5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
40	PP2600062 407	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay đa hướng, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 2 lỗ đến 6 lỗ, dài trong phạm vi từ 50mm đến 90mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 20.8mm/25.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 1.3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 8mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 6 lỗ, 7 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 9 vít đến 13 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 2.7mm, đường kính ngoài mũ vít 3.4mm đến 3.6mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 6mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 2.7mm, đường kính ngoài mũ vít 3.4mm đến 3.6mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 6mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
41	PP2600062 408	Bộ nẹp khóa bàn ngón tay, loại thẳng, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 2 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 10mm đến 50mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính:

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				+ Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 0.5mm (± 0.2mm) và rộng 4mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ ren vít khoá tròn. + Sử dụng: Từ 2 vít đến 10 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm đến 3.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 6mm đến 20mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm đến 3.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 6mm đến 22mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
42	PP2600062 409	Bộ nẹp khóa bàn ngón tay, chữ T, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 20mm đến 45mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: kiểu chữ T, đầu nẹp dày 0.5mm (± 0.2mm) và rộng 9mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 0.5mm (± 0.2mm) và rộng 4mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 2 lỗ ren vít khóa tròn, thân nẹp lỗ ren vít khóa tròn. + Sử dụng: Từ 5 vít đến 10 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm -3.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 6mm đến 20mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm -3.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 6mm đến 22mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
43	PP2600062 410	Bộ nẹp khóa bàn ngón tay, chữ L, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 30mm đến 50mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ L, đầu nẹp dày 0.5mm (± 0.2mm) và rộng 9mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 0.5mm (± 0.2mm) và rộng 4mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 2 lỗ ren vít khóa tròn, thân nẹp lỗ ren vít khóa tròn.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				+ Sử dụng: Từ 7 vít đến 10 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm-3.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 6mm đến 20mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm-3.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 6mm đến 22mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
44	PP2600062 411	Bộ nẹp khóa cổ xương đùi, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 100mm đến 280mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 27mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 5mm (± 0.2mm) và rộng 17mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 4 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 8 vít đến 17 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
45	PP2600062 412	Bộ nẹp khóa đùi, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 14 lỗ, dài trong phạm vi từ 120mm đến 270mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 6mm (± 0.2mm) và rộng 17mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				+ Sử dụng: Từ 6 vít đến 14 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
46	PP2600062 413	Bộ nẹp khóa lồi cầu đùi, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 15 lỗ, dài trong phạm vi từ 150mm đến 340mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 33mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 17mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 7 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp + Sử dụng: Từ 12 vít đến 22 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
47	PP2600062 414	Bộ nẹp khóa đầu trên cẳng chân, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 11 lỗ, dài trong phạm vi từ 130mm đến 260mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 24mm ($\pm 0.5\text{mm}$),

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				thân nẹp dày 4mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 14.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy và có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ tròn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 7 vít đến 14 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
48	PP2600062 415	Bộ nẹp khóa mâm chày, chữ L, chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 150mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ L, đầu nẹp dày 1.6mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 42mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 1.6mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 16mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ ren vít khóa tròn, thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ bắt vít khóa hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 7 vít đến 11 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
49	PP2600062 416	Bộ nẹp khóa mâm chày, chữ T, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 60mm đến 180mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: kiểu chữ T, đầu nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 37mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 16mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 2 lỗ ren vít khóa tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ bắt vít khóa hình tròn và có 1 lỗ để nén ép mặt gãy. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 13 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
50	PP2600062 417	Bộ nẹp khóa mâm chày, chữ L (sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm), chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 11 lỗ, dài trong phạm vi từ 100mm đến 190mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ L, đầu nẹp dày 2.2mm (± 0.2mm) và rộng 30mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 4mm (± 0.2mm) và rộng 13mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 6 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ ren vít khóa tròn, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, có 1 lỗ chéo để bắt vít giữ mặt gãy, đuôi nẹp dẹp + Sử dụng: Từ 11 vít đến 16 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
51	PP2600062 418	Bộ nẹp khóa mâm chày, chữ T (sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm), chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 160mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ T, đầu nẹp dày 3.3mm (± 0.2mm) và rộng 40mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 3.3mm (± 0.2mm) và rộng 11.5mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 4 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ ren vít khóa tròn, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, đuôi nẹp dẹp + Sử dụng: Từ 10 vít đến 16 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
52	PP2600062 419	Bộ nẹp khóa căng chân, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 120mm đến 260mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 4.5mm (± 0.2mm) và rộng 14mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp + Sử dụng: Từ 6 vít đến 13 vít khóa (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm -7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
53	PP2600062 420	Bộ nẹp khóa lòng máng, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 50mm đến 130mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 1mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm). Thân nẹp lỗ ren vít khoá tròn + Sử dụng: Từ 4 vít đến 10 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
54	PP2600062 421	Bộ nẹp khóa trần chày (mặt trong), chất liệu titanium (trái/phải, các cỡ)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 60mm đến 190mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 23mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 3mm (± 0.2mm) và rộng 16mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 4 lỗ ren vít khoá tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp dẹp + Sử dụng: Từ 9 vít đến 17 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khoá đường kính thân vít 5.0mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 90mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm đến 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
55	PP2600062 422	Bộ nẹp khóa trần chày (mặt trong, 9 lỗ đầu), chất liệu titanium (từ 4 lỗ đến 13 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 120mm đến 260mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.3mm (± 0.2mm) và rộng 21mm (± 0.5mm) thân nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 11mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 9 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 1 lỗ để nén ép mặt gãy, đuôi nẹp dẹp. + Sử dụng: Từ 14 vít đến 23 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm đến 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
56	PP2600062 423	Bộ nẹp khóa trần chày (mặt ngoài), chất liệu titanium (từ 5 lỗ đến 17 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 17 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 210mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 33mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 13mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 6 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 11 vít đến 21 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
57	PP2600062 424	Bộ nẹp khóa xương mác, chất liệu titanium (từ 4 lỗ đến 8 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 170mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm) và rộng 13mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 9mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 5 lỗ ren vít khóa tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 2 lỗ để nén ép mặt gãy, đuôi nẹp đẹp. + Sử dụng: Từ 9 vít đến 15 vít khóa (tùy theo số lỗ nẹp), vít khóa đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khóa, thân vít toàn ren, mũi vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khóa dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
58	PP2600062 425	Bộ nẹp khóa xương gót, chất liệu titanium (các cỡ)	Bộ	- Kích thước: 12 lỗ, có 3 kích cỡ lớn, trung bình, nhỏ - Chất liệu: Titanium

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				+ Nẹp: có loại trái và loại phải, nẹp dày 1.3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 36mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Nẹp thiết kế lỗ bắt vít ren khoá hình tròn, có cầu nổi giữa nẹp. + Sử dụng: 12 vít khoá đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, đầu vít có ren khoá, thân vít toàn ren, mũ vít có xẻ rãnh để tự tarô tạo ren, vít khoá dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size, dài từ 50mm đến 65mm với bước tăng là 5mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
59	PP2600062 426	Bộ nẹp xương đòn, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 10 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 6lỗ đến 10lỗ, dài trong phạm vi từ 60mm đến 120mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: hình chữ S, kiểu mắc xích, nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$), lỗ vít hình tròn. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 10 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
60	PP2600062 427	Bộ nẹp khớp cùng đòn II, chất liệu thép y khoa (3 lỗ đến 5 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 3lỗ đến 5lỗ, dài trong phạm vi từ 60mm đến 120mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 15.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp có 3 lỗ vít tròn và chiều sâu phần mũ nẹp từ 15mm-18mm. Thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ bắt vít hình tròn. + Sử dụng: Từ 2 vít đến 6 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 03 vít xóp đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
61	PP2600062 428	Bộ nẹp đầu trên cánh tay, chất liệu thép y khoa (từ 3 lỗ đến 8 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 3 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi trong phạm vi từ 70mm đến 165mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.5mm (± 0.2mm) và rộng 20mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 11mm (± 0.5mm). Đầu nẹp có 7 lỗ vít tròn và có lỗ xuyên Kirschner neo nẹp. Thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ vít hình bầu dục thẳng hàng. + Sử dụng: Từ 3 vít đến 10 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 07 vít xóp đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
62	PP2600062 429	Bộ nẹp cánh tay, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 12 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 60mm đến 185mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, loại ít tiếp xúc (kiểu LC-DCP), nẹp dày 3.8mm (± 0.2mm) và rộng 12mm (± 0.5mm), thân nẹp lỗ vít hình bầu dục thẳng hàng. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 12 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
63	PP2600062	Bộ nẹp lõi cầu ngoài	Bộ	- Kích thước: từ 12lỗ đến 18lỗ, dài trong

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
	430	cánh tay, chất liệu thép y khoa (từ 12 lỗ đến 18 lỗ, trái/phải)		phạm vi từ 140mm đến 220mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu mắc xích, nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp lỗ bắt vít hình tròn, thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 10 vít đến 18 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 03 vít xóp đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm đến 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
64	PP2600062 431	Bộ nẹp lõi cầu trong cánh tay, chất liệu thép y khoa (từ 10 lỗ đến 16 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 10lỗ đến 16lỗ, dài trong phạm vi từ 90mm đến 155mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: kiểu mắc xích, nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$). Đầu nẹp luôn có 1 lỗ bắt vít tròn và thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục thẳng hàng. + Sử dụng: Từ 10 vít đến 16 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 03 vít xóp đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
65	PP2600062 432	Bộ nẹp mỏm khuỷu, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 8 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 90mm đến 150mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 1.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 14.5mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$), đầu nẹp có 2 lỗ bắt vít hình tròn và có lỗ xuyên Kirschner neo

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				nẹp. Thân nẹp kiểu mắc xích, lỗ vít hình tròn. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 8 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít xỏ đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
66	PP2600062 433	Bộ nẹp tạo hình, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 18 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 6lỗ đến 18lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 220mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, kiểu mắc xích, nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 10mm(± 0.5mm), thân nẹp lỗ hình bầu dục thẳng hàng + Sử dụng: Từ 6 vít đến 18 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 03 vít xỏ đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
67	PP2600062 434	Bộ nẹp căng tay dày 2mm, nén ép, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 12 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 6lỗ đến 12lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 160mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, loại ít tiếp xúc (kiểu LC-DCP), nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 10mm(± 0.5mm), thân nẹp lỗ hình bầu dục thẳng hàng + Sử dụng: Từ 6 vít đến 12 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
68	PP2600062 435	Bộ nẹp đầu dưới xương quay, chất liệu thép y khoa (từ 3 lỗ đến 8 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 3lỗ đến 8lỗ, dài trong phạm vi từ 40mm đến 100mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm) và rộng 24mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm) và rộng 10mm (± 0.5mm), đầu nẹp có 2 lỗ bắt vít hình tròn, thân nẹp lỗ bắt vít hình tròn và hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 3 vít đến 8 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít xóp đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
69	PP2600062 436	Bộ nẹp ngón tay, chất liệu thép y khoa (từ 2 lỗ đến 6 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 2lỗ đến 6lỗ, dài trong phạm vi từ 10mm đến 35mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 0.5mm (± 0.2mm) và rộng 5mm (± 0.5mm), thân nẹp lỗ bắt vít hình tròn thẳng hàng + Sử dụng: Từ 2 vít đến 6 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm đến 3.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 6mm đến 20mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
70	PP2600062 437	Bộ nẹp bàn tay, chất liệu thép y khoa (từ 2 lỗ đến 8 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 2lỗ đến 8lỗ, dài trong phạm vi từ 10mm đến 35mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 0.6mm (± 0.2mm) và rộng 6mm (± 0.5mm), thân nẹp lỗ bắt vít hình tròn thẳng hàng + Sử dụng: Từ 2 vít đến 6 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 2.0mm, đường kính ngoài mũ vít 2.8mm đến 3.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				6mm đến 20mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
71	PP2600062 438	Bộ nẹp đuôi đầu rắn, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 10 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 100mm đến 210mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm) và rộng 27mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 5mm (± 0.2mm) và rộng 17mm (± 0.5mm), đầu nẹp có 3 lỗ bắt vít hình tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 10 vít vỏ (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 03 vít xóp đường kính thân vít 6.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 40mm đến 85mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
72	PP2600062 439	Bộ nẹp đuôi nén ép, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 14 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 14 lỗ, dài trong phạm vi từ 100 mm đến 250mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, loại ít tiếp xúc (kiểu LC-DCP), nẹp dày 6mm (± 0.2mm) và rộng 17mm (± 0.5mm), thân nẹp lỗ vít hình bầu dục thẳng hàng. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 14 vít vỏ (tuỳ theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
73	PP2600062 440	Bộ nẹp ốp lõi cầu đuôi, chất liệu thép y khoa (từ 5 lỗ đến 11 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 5 lỗ đến 11 lỗ, dài trong phạm vi từ 120mm đến 230mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm (± 0.2mm) và rộng 32.5mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 5mm (± 0.2mm) và

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				rộng 17mm (± 0.5 mm), đầu nẹp có 8 lỗ bắt vít hình tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 5 vít đến 11 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 08 vít xóp đường kính thân vít 6.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 40mm đến 85mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
74	PP2600062 441	Bộ nẹp ốp đầu trên cẳng chân, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 13 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 100mm đến 260mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm (± 0.2 mm) và rộng 24mm (± 0.5 mm), thân nẹp dày 4mm (± 0.2 mm) và rộng 14.5mm (± 0.5 mm), đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít hình tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 13 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 04 vít xóp đường kính thân vít 6.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 40mm đến 85mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
75	PP2600062 442	Bộ nẹp T mâm chày, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 8 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 170mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: kiểu chữ T, kiểu mắc xích, đầu nẹp dày 2mm (± 0.2 mm) và rộng 38mm (± 0.5 mm), thân nẹp dày 2mm (± 0.2 mm) và rộng 15.5mm (± 0.5 mm), đầu nẹp có 2 lỗ bắt vít hình tròn, thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 10 vít vỏ (tùy theo

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít xóp đường kính thân vít 6.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 40mm đến 85mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
76	PP2600062 443	Bộ nẹp L mâm chày, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 8 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 8 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 170mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu chữ L, kiểu mắc xích, đầu nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 41mm (± 0.5mm), thân nẹp dày 2mm (± 0.2mm) và rộng 16mm (± 0.5mm), đầu nẹp có 3 lỗ bắt vít hình tròn, thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 10 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 03 vít xóp đường kính thân vít 6.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 40mm đến 85mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
77	PP2600062 444	Bộ nẹp căng chân nén ép, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 12 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 12 lỗ, dài trong phạm vi từ 100mm đến 190mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, loại ít tiếp xúc (kiểu LC-DCP), nẹp dày 4.5mm (± 0.2mm) và rộng 14mm (± 0.5mm), thân nẹp lỗ vít hình bầu dục thẳng hàng. + Sử dụng: Từ 6 vít đến 12 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
78	PP2600062 445	Bộ nẹp lòng máng, chất liệu thép y khoa (từ 6 lỗ đến 10 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 6 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 130mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: dạng thẳng, nẹp dày 1mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp lỗ vít hình tròn thẳng hàng + Sử dụng: Từ 6 vít đến 10 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size.
79	PP2600062 446	Bộ nẹp ốp trong đầu dưới cẳng chân, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 13 lỗ, trái/phải)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 13 lỗ, dài trong phạm vi từ 80mm đến 235mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: có loại trái và loại phải, kiểu mắc xích, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 23mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 16mm ($\pm 0.5\text{mm}$), đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít hình tròn, có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình bầu dục. + Sử dụng: Từ 4 vít đến 13 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8mm - 7.0mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 20mm đến 60mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 04 vít xóp đường kính thân vít 4.5mm, đường kính ngoài mũ vít 6.8 mm-7.0mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 28mm đến 60mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
80	PP2600062 447	Bộ nẹp đầu dưới xương mác, chất liệu thép y khoa (từ 4 lỗ đến 10 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 4 lỗ đến 10 lỗ, dài trong phạm vi từ 70mm đến 150mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: đầu nẹp dày 1.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 13mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 1.8mm ($\pm 0.2\text{mm}$) và rộng 10mm ($\pm 0.5\text{mm}$), đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít hình tròn và có lỗ xuyên kim Kirschner neo nẹp, thân nẹp lỗ bắt vít hình tròn và hình bầu dục.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				+ Sử dụng: Từ 4 vít đến 10 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 04 vít xóp đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
81	PP2600062 448	Bộ nẹp gót, chất liệu thép y khoa (từ 8 lỗ đến 15 lỗ)	Bộ	- Kích thước: từ 8 lỗ đến 15 lỗ - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: + Nẹp: nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$), có ba nhánh. + Sử dụng: Từ 8 vít đến 15 vít vỏ (tùy theo số lỗ nẹp), vít vỏ đường kính thân vít 3.5mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít toàn ren, vít dài từ 14mm đến 50mm với bước tăng 2mm cho mỗi cỡ size. Và 02 vít xóp đường kính thân vít 4.0mm, đường kính ngoài mũ vít 5.6 mm - 5.8mm, thân vít ren thừa bán phần, vít dài từ 12mm đến 50mm với bước tăng là 2mm cho mỗi cỡ size.
82	PP2600062 449	Vít xóp rộng đường kính 3.5mm, chất liệu thép y khoa (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 3.5mm, vít dài từ 20mm đến 50mm với bước tăng 2mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: thân vít rộng, thân ren thừa bán phần, có kèm theo 1 vòng đệm xương,
83	PP2600062 450	Vít xóp rộng đường kính 4.5mm, chất liệu thép y khoa (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 4.5mm, vít dài từ 30mm đến 60mm với bước tăng 2mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: thân vít rộng, thân ren thừa bán phần, có kèm theo 1 vòng đệm xương.
84	PP2600062 451	Vít xóp rộng đường kính 7.3mm, chất liệu thép y khoa (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 7.3mm, vít dài từ 60mm đến 110mm với bước tăng 5mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: thân vít rộng, thân ren thừa bán phần, có kèm theo 1 vòng đệm xương.
85	PP2600062 452	Vít xóp rộng đường kính 6.5mm, chất liệu thép y khoa (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 6.5mm, vít dài từ 60mm đến 115mm với bước tăng 5mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: thân vít rộng, có 2 tầng ren ở

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				đầu và mũi vít.
86	PP2600062 453	Vít xương thuyền (rỗng) đường kính 3.0mm, chất liệu titanium (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 3.0mm, vít dài từ 14mm đến 40mm với bước tăng 2mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: thân vít rỗng, có 2 tầng ren ở đầu.
87	PP2600062 454	Vít xóp rỗng đường kính 3.5mm, chất liệu titanium (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 3.5mm, vít dài từ 20mm đến 50mm với bước tăng 2mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: thân vít rỗng, thân ren thừa bán phần, có kèm theo 1 vòng đệm xương.
88	PP2600062 455	Vít xóp rỗng đường kính 4.5mm, chất liệu titanium (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 4.5mm, vít dài từ 30mm đến 60mm với bước tăng 2mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: thân vít rỗng, thân ren thừa bán phần, có kèm theo 1 vòng đệm xương.
89	PP2600062 456	Vít xóp rỗng đường kính 7.3mm, chất liệu titanium (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 7.3mm, vít dài từ 60mm đến 110mm với bước tăng 5mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: thân vít rỗng, thân ren thừa bán phần, có kèm theo 1 vòng đệm xương.
90	PP2600062 457	Vít xóp rỗng đường kính 6.5mm, chất liệu titanium (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 6.5mm, vít dài từ 60mm đến 115mm với bước tăng 5mm. - Chất liệu: Titanium - Đặc tính: thân vít rỗng, có 2 tầng ren ở đầu và mũi vít.
91	PP2600062 458	Đinh Kirschner, chất liệu thép y khoa (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính từ 1.0mm đến 3.0mm, dài 250mm và 300mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: loại không ren, hai đầu nhọn
92	PP2600062 459	Đinh Kirschner có răng, chất liệu thép y khoa (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính 1.2mm dài 100mm, đường kính từ 2.0mm đến 3.0mm, dài từ 250mm đến 300mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: loại có ren, một đầu nhọn
93	PP2600062 460	Đinh Steinman, chất liệu thép y khoa (các cỡ)	Cái	- Kích thước: đường kính từ 3.0mm đến 4.0mm, dài 220mm và 300mm. - Chất liệu: Thép y khoa - Đặc tính: loại không ren, một đầu nhọn
94	PP2600062 461	Đinh nội tủy xương đùi loại ngắn và loại dài, chất liệu Titanium.	Bộ	- Chất liệu titanium. - Bộ đinh nội tủy xương đùi rỗng nòng ngắn gồm: 1 đinh + 1 lưỡi chốt cổ đường kính 10.5mm + 2 vít chốt ngang đường kính 5.0mm + 1 nắp đinh

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				- Đầu đinh đường kính 16.2mm, sử dụng lưỡi chốt đường kính 10.5mm, dài 75mm-120mm, bước tăng 5mm, thân đinh ngắn đường kính trong phạm vi 9mm- 12mm (có tối thiểu 4 size) dài từ 170mm - 240mm, thân đinh dài đường kính trong phạm vi 9mm- 11mm (có tối thiểu 3 size) dài từ 320mm - 440mm. - Thân đinh sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25mm-85mm, bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8mm.
95	PP2600062 462	Đinh nội tủy xương đùi rộng nông chất liệu Titanium.	Bộ	- Chất liệu titanium. - Bộ đinh nội tủy rộng nông đầu trên xương đùi và thân xương đùi gồm: 1 đinh + 2 vít chốt cổ đường kính 7.0mm + 3 vít chốt khóa 5.0mm + 1 nắp đinh - Đường kính thân: có tối thiểu 02 kích thước trong phạm vi từ 9mm đến 11mm, dài 320mm đến 420mm, có loại trái và loại phải. đầu đinh đường kính tối thiểu 13.5mm, sử dụng vít chốt cổ đường kính 7.0mm, dài 65mm đến 110mm, bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8mm. - Thân sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25mm đến 85mm, bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8mm.
96	PP2600062 463	Đinh nội tủy xương đùi ngược dòng, chất liệu Titanium.	Bộ	- Chất liệu titanium. - Bộ đinh nội tủy rộng nông xương đùi ngược dòng gồm: 1 đinh + 5 vít chốt khóa 5.0mm + 1 nắp đinh - Đường kính thân: có tối thiểu 03 kích thước trong phạm vi từ 9mm đến 11mm, dài 200mm đến 360mm, khoảng cách đường kính 11.5mm. - Sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25mm đến 85mm, bước tăng 5mm.
97	PP2600062 464	Đinh nội tủy xương chày rộng nông, chất liệu Titanium.	Bộ	- Chất liệu titanium. - Bộ đinh nội tủy rộng nông cho xương chày gồm: 1 đinh + 5 vít chốt khóa đường kính 4.5mm/5.0mm + 1 nắp đinh - Đường kính có tối thiểu 04 kích thước trong phạm vi từ 8mm đến 11mm, dài 260mm -380mm, đầu đinh đường kính 12mm - Sử dụng vít chốt khóa đường kính 4.5mm,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				dài 25mm đến 65mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi 4mm, đường kính đầu vít 8mm. - Sử dụng vít chốt khóa đường kính 5.0mm, dài 25mm đến 85mm, bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8mm.
98	PP2600062 465	Bộ nẹp khóa mini thẳng, chất liệu titanium		
98.1		Nẹp khóa mini thẳng, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp dày 1.5mm, rộng 4mm (± 0.5 mm), thân có 4 lỗ, 5 lỗ, 6 lỗ, 8lỗ, 10lỗ, chiều dài tối thiểu 20mm. - Dùng vít khóa đường kính 1.5mm và vít xương cứng đường kính thân vít 1.5mm,
98.2		Vít khóa đường kính 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 1.5mm, chiều dài 6mm-24mm, bước tăng 2mm, tự taro - Đường kính đầu vít 2.5mm (± 0.3 mm)
98.3		Vít xương cứng đường kính 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 1.5mm, chiều dài từ 6mm - 24mm bước tăng 2mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 3.0mm (± 0.3 mm)
99	PP2600062 466	Bộ nẹp khóa mini chữ T, chất liệu titanium		
99.1		Nẹp khóa mini chữ T, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp chữ T có 3 lỗ/ 4 lỗ đầu, đầu nẹp dày 1mm, rộng 14mm (± 0.3 mm), thân nẹp dày 1mm, rộng 4mm (± 0.3 mm), có 8 lỗ thân dài tối thiểu 45mm. - Dùng vít khóa đường kính thân vít 1.5mm và vít xương cứng đường kính thân vít 1.5mm.
99.2		Vít khóa đường kính 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 1.5mm, chiều dài 6mm-24mm, bước tăng 2mm, tự taro - Đường kính đầu vít 2.5mm (± 0.3 mm)
99.3		Vít xương cứng đường kính 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 1.5mm, chiều dài từ 6mm - 24mm bước tăng 2mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 3.0mm (± 0.3 mm)
100	PP2600062 467	Bộ nẹp khóa mini chữ Y, chất liệu titanium		
100.1		Nẹp khóa mini chữ Y, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp chữ Y, đầu nẹp có 3 lỗ, đầu nẹp dày

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				1mm, rộng 15mm, thân nẹp dày 1mm, rộng 4.0mm (± 0.3 mm), nẹp có 8 lỗ thân, dài tối thiểu 46mm, cong 145 độ. - Dùng vít khóa đường kính thân vít 1.5mm và vít xương cứng đường kính thân vít 1.5mm.
100.2		Vít khóa đường kính 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 1.5mm, chiều dài 6mm-24mm, bước tăng 2mm, tự taro - Đường kính đầu vít 2.5mm (± 0.3 mm)
100.3		Vít xương cứng đường kính 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 1.5mm, chiều dài từ 6mm - 24mm bước tăng 2mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 3.0mm (± 0.3 mm)
101	PP2600062 468	Bộ nẹp khóa mini thẳng, chất liệu titanium		
101.1		Nẹp khóa mini thẳng, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp dày 1mm (± 0.5 mm), rộng 5mm (± 0.5 mm), thân có 2lỗ -10 lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 15mm. - Dùng vít khóa đường kính thân vít 2.0mm và vít xương cứng đường kính thân vít 2.0mm
101.2		Vít khóa đường kính 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 2.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi 5mm đến 30mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 2.5mm (± 0.3 mm).
101.3		Vít xương cứng đường kính 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 2.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 5mm - 30mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3mm (± 0.3 mm).
102	PP2600062 469	Bộ nẹp khóa mini chữ T, chất liệu titanium		
102.1		Nẹp khóa mini chữ T, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp chữ T, đầu nẹp có 2lỗ, dày 1mm (± 0.2 mm), rộng 14mm (± 0.2 mm), thân nẹp dày 1mm (± 0.3 mm), rộng 5mm, có 3lỗ - 5lỗ, chiều dài tối thiểu 25mm, cong 90 độ. - Nẹp chữ T, đầu nẹp có 3 lỗ, dày 1mm (± 0.2 mm), rộng tối thiểu 18mm (± 0.5 mm),

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				thân nẹp dày 1mm ($\pm 0.2\text{mm}$), rộng 5mm, có 3lỗ, 4lỗ, 5lỗ, 9lỗ thân, chiều dài tối thiểu 25mm, cong 90 độ. - Dùng vít khóa đường kính thân vít 2.0mm và vít xương cứng đường kính thân vít 2.0mm.
102.2		Vít khóa đường kính 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 2.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi 5mm đến 30mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 2.5mm ($\pm 0.3\text{mm}$).
102.3		Vít xương cứng đường kính 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 2.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 5mm - 30mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3mm ($\pm 0.3\text{mm}$).
103	PP2600062 470	Bộ nẹp khóa mini chữ Y, chất liệu titanium.		
103.1		Nẹp khóa mini chữ Y, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp chữ Y, đầu nẹp có 3 lỗ, dày 1.5mm, rộng 17mm ($\pm 1\text{mm}$), thân nẹp dày 1.5mm, rộng 5mm, có 4lỗ-9lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 30mm. - Dùng vít khóa đường kính thân vít 2.0mm và vít xương cứng đường kính thân vít 2.0mm.
103.2		Vít khóa đường kính 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 2.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi 5mm đến 30mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 2.5mm ($\pm 0.3\text{mm}$).
103.3		Vít xương cứng đường kính 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium - Đường kính thân vít 2.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 5mm - 30mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3mm ($\pm 0.3\text{mm}$).
104	PP2600062 471	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay mặt lòng chữ T, chất liệu titanium.		
104.1		Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay mặt	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Nẹp dày 3mm, rộng 11mm, đầu nẹp có 4

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		lòng chữ T, chất liệu titanium.		lỗ, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm, thân có 3lỗ, 5lỗ, 7lỗ, 9lỗ, có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 60mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ kết hợp: vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro.
104.2		Vít khóa đường kính 2.7 mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 2.7mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi 5mm - 40mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3.5mm
104.3		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
104.4		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
105	PP2600062 472	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay; chất liệu Titanium.		
105.1		Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay; chất liệu Titanium.	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Đầu nẹp có 3lỗ, đầu nẹp dày 1.5mm (± 0.2 mm), rộng 24mm, thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2 mm), rộng 10mm, có 3lỗ, 5lỗ, chiều dài tối thiểu 50mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro. - Độ cong 19 độ (± 1 độ).
105.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
105.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
106	PP2600062 473	Bộ nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay đa hướng		
106.1		Nẹp khóa nén ép đầu dưới xương quay đa hướng	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Đầu nẹp có 9lỗ, đầu nẹp dày 2.5mm (± 0.5 mm), rộng 24mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm; thân nẹp dày 2mm, rộng 7.5 mm (± 0.2 mm), thân có 3lỗ, 4lỗ, 5lỗ, 6 lỗ, có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 45mm. - Thân nẹp sử dụng lỗ kết hợp: vít khóa đường kính 2.7mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 2.7mm, tự taro.
106.2		Vít khóa đường kính 2.7 mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 2.7mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi 5mm - 40mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3.5mm
106.3		Vít xương cứng đường kính 2.7mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium - Đường kính thân vít 2.7mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm - 50mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 5mm.
107	PP2600062 474	Bộ nẹp khóa bản nhỏ		
107.1		Nẹp khóa bản nhỏ	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Nẹp có từ 4lỗ đến 12lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 50mm. - Nẹp dày 3mm (± 0.3 mm), rộng 11mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro.
107.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
107.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		liệu titanium		chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
108	PP2600062 475	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay		
108.1		Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Đầu nẹp có 10lỗ, thân nẹp từ 3lỗ - 17lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 100mm. - Đầu nẹp dày 1.5mm (± 0.3 mm), rộng 20mm. - Thân nẹp dày 3mm, rộng 12mm - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro.
108.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
108.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
109	PP2600062 476	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay (liên lõi cầu cánh tay) mặt ngoài, chất liệu titanium.		
109.1		Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay (liên lõi cầu cánh tay) mặt ngoài, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp mặt ngoài đầu có 8 lỗ, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm, thân có 3lỗ -13lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 90mm - Đầu nẹp dày 1.5mm (± 0.2 mm), đầu nẹp rộng 20mm (± 1 mm), - Thân nẹp dày 2.5mm, rộng 11mm (± 1 mm). - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro. - Độ cong 105độ (± 2 độ)

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
109.2		Vít khóa đường kính 2.7 mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 2.7mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi 5mm - 40mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3.5mm
109.3		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
109.4		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
110	PP2600062 477	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay (liên lõi cầu cánh tay) mặt trong, chất liệu titanium.		
110.1		Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay (liên lõi cầu cánh tay) mặt trong, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp mặt trong, đầu có 5lỗ, sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm, thân có 3lỗ - 13lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 90mm. - Đầu và thân nẹp dày 3mm (± 0.3 mm), rộng 10mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro. - Độ cong 80độ (± 2 độ)
110.2		Vít khóa đường kính 2.7 mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 2.7mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi 5mm - 40mm, tự taro - Đường kính đầu vít 3.5mm
110.3		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
110.4		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
111	PP2600062 478	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác (ốp mắc cá chân).		
111.1		Nẹp khóa đầu dưới xương mác (ốp mắc cá chân).	Cái	- Chất liệu: Titanium - Đầu nẹp có 4 lỗ, dày 1.5mm (± 0.2 mm), rộng 16mm. - Thân nẹp có 4lỗ, 5lỗ, 6lỗ, 8lỗ, 10lỗ, 12lỗ, 14lỗ, 16lỗ, có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 85mm, dày 2.0mm (± 0.2 mm), rộng 10mm. Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro. - Độ cong 5 độ (± 0.5 độ)
111.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
111.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
112	PP2600062 479	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày (mặt trong)		
112.1		Nẹp khóa đầu dưới xương chày (mặt trong)	Cái	- Chất liệu: titanium - Đầu nẹp có 9 lỗ, thân nẹp có 6lỗ- 14 lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 145mm. - Đầu nẹp dày 2mm, rộng 20mm (± 0.5 mm). - Thân nẹp dày 3.5mm (± 0.5 mm), rộng 10mm (± 0.5 mm). - Thân nẹp lỗ vít kết hợp dùng vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro. - Độ cong 5độ (± 1 độ)

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
112.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
112.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
113	PP2600062 480	Bộ nẹp khóa xương đòn		
113.1		Nẹp khóa xương đòn	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp có 6lỗ-10 lỗ (bước tăng 1), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 65mm. - Nẹp dày 2.5 mm (± 0.1 mm), rộng 10mm. - Thân nẹp lỗ vít kết hợp dùng vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro.
113.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
113.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
114	PP2600062 481	Bộ nẹp khóa nén ép tái tạo thân xương đòn		
114.1		Nẹp khóa nén ép tái tạo thân xương đòn	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp có 6lỗ, 8lỗ, 10lỗ, có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 75mm, dày 4 mm, rộng 10mm. Nẹp có lỗ đơn và lỗ kết hợp. Thân nẹp lỗ vít kết hợp dùng vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro. - Nẹp cong 20 độ (± 1 độ)
114.2		Vít khóa đường kính	Cái	- Chất liệu titanium.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		3.5mm, tự taro, chất liệu titanium		- Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
114.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
115	PP2600062 482	Bộ nẹp khóa tái cấu trúc (Nẹp khóa mắt xích)		
115.1		Nẹp khóa tái cấu trúc (Nẹp khóa mắt xích)	Cái	- Chất liệu: Titanium - Thân nẹp có nhiều cỡ (có ít nhất 12 cỡ) từ 4 lỗ -18 lỗ, chiều dài tối thiểu 45mm. - Nẹp dày 2.5mm (± 0.3 mm), rộng 10mm. - Thân nẹp lỗ vít kết hợp dùng vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro.
115.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
115.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
116	PP2600062 483	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu		
116.1		Nẹp khóa mỏm khuỷu	Cái	- Chất liệu: Titanium - Đầu nẹp có 9 lỗ, dày 2mm (± 0.2 mm), rộng 15mm. - Thân nẹp có 2 lỗ -12 lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 80mm, dày 3mm, rộng 10mm. Thân nẹp lỗ vít kết hợp dùng vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro. - Độ cong 110 độ (± 5 độ).
116.2		Vít khóa đường kính	Cái	- Chất liệu titanium.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		3.5mm, tự taro, chất liệu titanium		- Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
116.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
117	PP2600062 484	Bộ nẹp khóa móc cùng đòn; chất liệu Titanium.		
117.1		Nẹp khóa móc cùng đòn; chất liệu Titanium.	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Đầu nẹp có 1 lỗ, dày 2mm, rộng 20mm (± 2 mm). - Thân có 4 lỗ, 6 lỗ, chiều dài tối thiểu 50mm, dày 3mm, rộng 10mm. Thân nẹp lỗ vít kết hợp dùng vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro - Móc nẹp cao 12mm, 15mm, 18mm, - Độ cong 50 độ (± 2 độ)
117.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
117.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
118	PP2600062 485	Bộ nẹp khóa xương gót (thế hệ III)		
118.1		Nẹp khóa xương gót (thế hệ III)	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp có 14 lỗ, có loại trái và loại phải, loại nhỏ và lớn, dài tối thiểu 55mm.. - Nẹp dày 2mm, rộng tối thiểu 40mm. - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
118.2		Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính thân vít 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 80mm. - Đường kính đầu vít 5mm
118.3		Vít xương cứng đường kính 3.5mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính 3.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 8mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít 6mm - Đường kính thân vít 3.5mm
119	PP2600062 486	Bộ nẹp khóa bản hẹp		
119.1		Nẹp khóa bản hẹp	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Thân nẹp có 5lỗ, 6lỗ, 7lỗ, 8lỗ, 9lỗ, 10lỗ, 12lỗ, 14lỗ, chiều dài tối thiểu 90mm. - Nẹp dày 4mm, rộng 13mm (± 1 mm) - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro.
119.2		Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Đường kính thân vít 5.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 6mm đến 7mm
119.3		Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 4.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 14mm đến 100mm - Đường kính đầu vít 8mm
120	PP2600062 487	Bộ nẹp khóa bản rộng		
120.1		Nẹp khóa bản rộng	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Nẹp từ 5lỗ, 6lỗ, 7lỗ, 8lỗ, 9lỗ, 10lỗ, 12lỗ, 14lỗ, 16lỗ, 18lỗ, chiều dài tối thiểu 90mm. - Nẹp dày 6mm, rộng 17mm (± 1 mm). - Thân nẹp lỗ vít kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro.
120.2		Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 5.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm đến 90mm, tự taro

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				- Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 6mm đến 7mm
120.3		Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 4.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 14mm đến 100mm - Đường kính đầu vít 8mm
121	PP2600062 488	Bộ nẹp khóa DHS, chất liệu Titanium.		
121.1		Nẹp khóa DHS, chất liệu Titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium - Nẹp có hướng vít cổ góc 135độ ($\pm 5^\circ$), nòng dài 35mm (± 3 mm) sử dụng vít DHS đường kính 12.5mm, - Thân có 3lỗ, 4lỗ, 6lỗ, 8lỗ, 10lỗ, 12lỗ, chiều dài tối thiểu 75mm, dày 5mm (± 1 mm), rộng 20mm (± 1 mm). - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro.
121.2		Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 5.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 6mm đến 7mm
121.3		Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 4.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 14mm đến 100mm - Đường kính đầu vít 8mm
122	PP2600062 489	Bộ nẹp khóa nén ép đầu trên xương đùi (nẹp khóa liên máu chuyển), thế hệ III; chất liệu Titanium.		
122.1		Nẹp khóa nén ép đầu trên xương đùi (nẹp khóa liên máu chuyển), thế hệ III; chất liệu Titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đầu nẹp có 6 lỗ, dày 2mm, rộng 25 mm (± 2 mm), sử dụng vít khóa rỗng nòng đường kính 6.5mm, - Thân nẹp từ 2lỗ - 14lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 120mm, dày 6mm, rộng 18mm. Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro - Độ cong 75độ ($\pm 5^\circ$).

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
122.2		Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 5.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 6mm đến 7mm
122.3		Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 4.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 14mm đến 100mm - Đường kính đầu vít 8mm
122.4		Vít khóa rỗng nòng đường kính 6.5 mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu titanium - Đường kính thân vít 6.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài từ 55mm đến 105mm toàn ren, tự taro - Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 8mm đến 9mm
123	PP2600062 490	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi		
123.1		Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Cái	- Chất liệu: Titanium. - Đầu nẹp có 6 lỗ, thân nẹp có 6lỗ - 14lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 160mm. - Đầu nẹp dày 3mm, rộng 30mm (± 3 mm) - Thân nẹp dày 6mm, thân nẹp rộng 15mm (± 1 mm). - Thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro. - Độ cong 5độ (± 1 độ)
123.2		Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 5.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 6mm đến 7mm
123.3		Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 4.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 14mm đến 100mm - Đường kính đầu vít 8mm
124	PP2600062 491	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong.		
124.1		Nẹp khóa đầu trên xương	Cái	- Chất liệu: titanium

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		chày mặt trong.		- Đầu nẹp có 4 lỗ, dày 2mm, rộng 14mm (± 2mm). - Thân nẹp có 3lỗ - 11lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 95mm, dày 3mm, rộng 15mm (± 2mm). - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro - Độ cong 10độ (± 1độ).
124.2		Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 5.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 6mm đến 7mm
124.3		Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 4.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 14mm đến 100mm - Đường kính đầu vít 8mm
125	PP2600062 492	Bộ ẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài.		
125.1		Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài.	Cái	- Chất liệu: titanium - Đầu nẹp có 4 lỗ, dày 2.0mm (± 0.2mm), rộng 23mm (± 0.5mm), - Thân có 3lỗ - 13lỗ (bước tăng 2), có loại trái và loại phải, chiều dài tối thiểu 85mm, dày 3.5mm (± 0.5mm), rộng 14mm (± 0.5mm). - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro và vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro. - Độ cong 10độ (± 1độ)
125.2		Vít khóa đường kính 5.0mm, tự taro, chất liệu titanium	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 5.0mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 10mm đến 90mm, tự taro - Đường kính đầu vít trong phạm vi từ 6mm đến 7mm
125.3		Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu: titanium. - Đường kính thân vít 4.5mm, có nhiều kích cỡ chiều dài trong phạm vi từ 14mm đến 100mm - Đường kính đầu vít 8mm
126	PP2600062 493	Vít xoắn đường kính 4.0mm, ren một phần	Cái	- Chất liệu: titanium. - Thân 1 phần ren, đường kính 4.0mm,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
		thân, tự taro; chất liệu Titanium		chiều dài từ 25mm đến 55mm với bước tăng 5mm, tự taro - Đường kính đầu vít 5mm (± 1 mm) - Đường kính thân vít 4.0mm
127	PP2600062 494	Vít xóp đường kính 6.5mm, ren một phần thân, tự taro, chất liệu Titanium	Cái	- Chất liệu titanium. - Thân 1 phần ren, đường kính 6.5mm, chiều dài từ 40mm đến 120mm với bước tăng 5mm, tự taro. - Đường kính đầu vít 8mm (± 1 mm) - Đường kính thân vít 6.5mm
128	PP2600062 495	Vít xương thuyền đường kính 2.5 mm	Cái	- Chất liệu titanium. - Vít xương thuyền đường kính 2.5mm, dài 8mm đến 30mm, bước tăng 2mm. - Đường kính đầu vít 3mm (± 0.2 mm) - Đường kính thân vít 2.5mm đến 3mm (± 0.2 mm)
129	PP2600062 496	Vít xóp rỗng, đường kính 3.5mm, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu titanium - Đường kính 3.5mm ứng với chiều dài từ 15mm đến 55mm với bước tăng 5mm, thân 1 phần ren. - Đường kính đầu vít 5mm - Đường kính thân vít 3.5mm
130	PP2600062 497	Vít xóp rỗng, đường kính 7.3mm, chất liệu titanium.	Cái	- Chất liệu titanium - Đường kính 7.3mm ứng với chiều dài từ 50mm đến 110mm với bước tăng 5mm, thân 1 phần ren. - Đường kính đầu vít 8mm (± 1 mm) - Đường kính thân vít 7.3mm
131	PP2600062 498	Loong đèn, chất liệu Titanium	Cái	- Chất liệu titanium - Đường kính 7mm dùng cho vít xóp rỗng 3.5mm, đường kính 10mm dùng cho vít xóp rỗng 4.5mm và đường kính 13mm dùng cho vít xóp rỗng 7.3mm
132	PP2600062 499	Đỉnh đầu trên xương đùi khoá nén trượt tuyến tính, chống xoay	Bộ	- Chất liệu Titanium - Đỉnh hình cung, đầu đỉnh: đường kính 16mm (± 1 mm), cỡ đỉnh: đường kính 9mm - 12mm, dài tối thiểu 180mm. Lưỡi đỉnh: đường kính 10mm (± 1 mm), dài 70mm đến 120mm. Đường kính lỗ chốt đầu xa: 5mm (± 1 mm). Đỉnh nghiêng góc: 5độ (± 0.5 độ). Góc cổ thân: 125độ (± 5 độ). Mặt bên dẹt - Vít chốt: đường kính 10mm (± 0.5 mm), dài 70mm đến 120mm - Vít nén ép xương: đường kính 6mm ($\pm$

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				1mm), dài 65mm đến 115mm - Vít chốt khoá: 28mm đến 60mm, vít tự taro, ren kép. - Nắp: 0mm, 5mm, 10mm. Nắp gắn sẵn trên đỉnh.
133	PP2600062 500	Bộ đỉnh đầu trên xương đùi các cỡ	Bộ	- Chất liệu Titanium - Đỉnh rỗng - Kích thước : + Đỉnh ngắn : đường kính 9mm -13mm (bước tăng 1), dài tối thiểu 170mm. + Đỉnh dài: đường kính 9mm, 10mm, 11mm, dài tối thiểu 360mm. - Vít chốt: đường kính 10mm (± 2 mm), dài 70mm đến 120mm - Lưỡi chốt: đường kính 10mm (± 2 mm), dài 75mm đến 120mm - Vít khoá: đường kính 5.0mm (± 2 mm), dài 20mm đến 80mm - Nắp đỉnh: dài 5mm, 10mm, 15mm Bộ gồm : Đỉnh + Vít chốt/ Lưỡi chốt + Vít khoá + Nắp. Đóng gói: Tiệt trùng
134	PP2600062 501	Bộ đỉnh xương chày các cỡ	Bộ	- Chất liệu Titanium - Gồm 3 lỗ khoá xương xấp, 2 lỗ khoá bên - Khoá đầu xa gồm 2 khoá bên & 1 khoá dọc - Đỉnh lòng rỗng. Đường kính 8mm, 9mm, 10mm, 11mm, dài 255mm đến 375mm - Nắp đỉnh: 5mm, 10mm, 15mm, 20mm - Vít khoá đường kính 4.0mm (± 0.5 mm), dài tối thiểu 25mm - Vít khoá đường kính 5.0mm (± 0.5 mm), dài 20mm đến 80mm - Vít khoá đường kính 5.0mm, dài 25mm đến 90mm - Đóng gói: Tiệt trùng
135	PP2600062 502	Bộ đỉnh xương đùi các cỡ	Bộ	- Chất liệu Titanium - Đỉnh lòng rỗng. Đường kính 9mm, 10mm, 11mm, 12mm, dài 300 mm đến 460mm - Nắp đỉnh: Dài 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm - Cong 5 độ (± 1 độ) - Vít chốt: đường kính 7.0mm (± 1 mm), dài 60mm đến 150mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				- Vít khoá: đường kính 5.0mm (± 0.5mm), dài 20mm đến 80mm - Đóng gói: Tịch trùng
136	PP2600062 503	Bộ nẹp khoá bản nhỏ các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá nén ép ít tiếp xúc bản nhỏ, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. - Kích thước: 4lỗ- 12lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 55mm, đầu và thân nẹp dày 3mm (± 0.2mm), rộng 11mm (± 0.5mm) - Bộ gồm: 1 nẹp + 6 vít các loại
137	PP2600062 504	Bộ nẹp khoá bản rộng các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá nén ép ít tiếp xúc bản rộng, sử dụng vít khoá 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm. - Kích thước: 5lỗ - 18lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 95mm, đầu nẹp: dày 2.5mm (± 0.3mm); thân nẹp: dày 5mm (± 0.2mm); đầu và thân nẹp: rộng 17mm (± 0.5mm). -Đóng gói tịệt trùng sẵn -Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại
138	PP2600062 505	Bộ nẹp khoá bản hẹp các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá nén ép ít tiếp xúc bản hẹp, sử dụng vít khoá 5.0mm, vít xương cứng 4.5mm - Kích thước: 5lỗ -16lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 98mm, đầu nẹp dày:2.5mm (± 0.3mm); thân nẹp dày 5mm (± 0.2mm); đầu và thân nẹp rộng: 13mm (± 0.5mm). - Đóng gói tịệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại,
139	PP2600062 506	Bộ nẹp khoá mắc xích các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá mắc xích, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Kích thước: từ 4lỗ - 22lỗ, chiều dài tối thiểu 56mm, đầu và thân nẹp dày 3mm (± 0.2mm), rộng 10mm (± 0.5mm). - Đóng gói tịệt trùng sẵn. - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại
140	PP2600062 507	Bộ nẹp khoá chỏm quay các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá chỏm quay, sử dụng vít khoá 2.4mm/2.7mm, vít xương cứng 2.4mm - Loại cong ngửa, đặt dưới mặt khớp + Kích thước: đầu nẹp 5lỗ, thân nẹp từ 2lỗ đến 4lỗ, chiều dài tối thiểu 32mm, đầu và

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2 mm), đầu nẹp rộng 16mm, thân nẹp rộng 8mm - Loại cong vòm, đặt sát mặt khớp + Kích thước: đầu nẹp 5lỗ, thân nẹp 2lỗ - 4lỗ, chiều dài tối thiểu 37mm, có loại trái và loại phải, đầu và thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2 mm), đầu nẹp rộng 15mm (± 0.3 mm), thân nẹp rộng 8mm. Đóng gói tiệt trùng sẵn Bộ gồm: 1 nẹp + 6 vít các loại
141	PP2600062 508	Bộ Nẹp khóa thân xương đòn các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá thân xương đòn, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Loại thân xương đòn mặt trên trước - Kích thước: 6lỗ, 7lỗ, 8lỗ, chiều dài tối thiểu 95mm, có loại trái và loại phải, đầu và thân nẹp dày 3.0mm, rộng 10mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 6 vít các loại
142	PP2600062 509	Bộ Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá đầu ngoài xương đòn, sử dụng vít khoá 2.4mm/ 2.7mm/ 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Kích thước: 3lỗ-8lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 69mm, có loại trái và loại phải, đầu và thân nẹp dày 3.0mm, đầu nẹp rộng 18mm, thân nẹp rộng 10mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại
143	PP2600062 510	Bộ Nẹp khóa xương đòn có móc các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá xương đòn có móc, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm, có loại trái và loại phải. - Kích thước: nẹp dài 4lỗ - 7lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 40mm, đầu nẹp dày 2.5mm, thân nẹp dày 3.5mm (± 0.2 mm), đầu nẹp rộng 25mm (± 1 mm), thân nẹp rộng 11mm. Chiều dài móc 15mm; 18mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 5 vít các loại
144	PP2600062 511	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				- Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm 1 nẹp + 9 vít các loại 1. Loại đầu trên xương cánh tay Kích thước: đầu nẹp 9lỗ, thân nẹp 3lỗ - 14lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 90mm. 2. Loại đầu trên xương cánh tay. Kích thước: 3lỗ-13lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 110mm, đầu nẹp dày 2mm, thân nẹp dày 4mm ($\pm 0.2\text{mm}$), đầu nẹp rộng 22mm ($\pm 1\text{mm}$), thân nẹp rộng 12mm ($\pm 0.5\text{mm}$) 3. Loại đầu trên xương cánh tay ôm mấu sau Kích thước: dài 2lỗ- 16lỗ, chiều dài tối thiểu 65mm, có loại trái và loại phải.
145	PP2600062 512	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, sử dụng vít khóa 2.4mm/2.7mm/3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. -Đóng gói tiệt trùng sẵn. -Bộ gồm 1 nẹp + 7 vít các loại 1. Loại mặt bên lưng lồi cầu tay Kích thước: 3lỗ - 14 lỗ, chiều dài tối thiểu 65mm, có loại trái và loại phải, đầu và thân nẹp dày 2.5mm, đầu nẹp rộng 23mm ($\pm 0.2\text{mm}$), thân nẹp rộng 12mm 2. Loại mặt trong lồi cầu tay Kích thước: dài 3lỗ - 14lỗ, chiều dài tối thiểu 55mm, có loại trái và loại phải, đầu và thân nẹp dày 3.5mm, rộng 11mm. 3. Loại giữa hành xương lồi cầu tay - Kích thước: 7lỗ- 15lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 80mm, đầu nẹp dày 1.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$), thân nẹp dày 3mm ($\pm 0.2\text{mm}$), đầu và thân nẹp rộng 11mm ($\pm 0.5\text{mm}$)
146	PP2600062 513	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa mỏm khuỷu, sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm - Kích thước: nẹp dài 2lỗ-12lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 85mm, có loại trái và loại phải, đầu và thân nẹp dày 2.5mm, đầu nẹp rộng 15mm, thân nẹp rộng 11mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
147	PP2600062 514	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa đầu dưới xương quay, sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 6 vít các loại 1. Loại chữ T thẳng, đầu 4lỗ Kích thước: đầu nẹp 4lỗ, thân nẹp 3lỗ- 6lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 45mm, đầu và thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng 30mm (± 1mm), thân nẹp rộng 10mm (± 1mm). 2. Loại chữ T xiên, đầu 3lỗ Kích thước: đầu nẹp 3lỗ, thân nẹp 3lỗ, 4lỗ, 5lỗ, chiều dài tối thiểu 50mm, đầu và thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng 23mm, thân nẹp rộng 10mm. 3. Loại chữ T thẳng, đầu 3lỗ Kích thước: đầu nẹp 3lỗ, thân nẹp 3lỗ, 4lỗ, 5lỗ, 6lỗ, chiều dài tối thiểu 45mm, đầu và thân nẹp dày 1.5mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng 24mm, thân nẹp rộng 10mm.
148	PP2600062 515	Nẹp khóa bàn ngón tay các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa bàn ngón tay dùng vít khóa 2.0mm, vít xương cứng 2.0mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại 1. Loại chữ T, đầu 3 lỗ, thân nẹp 4lỗ -8lỗ, dài tối thiểu 25mm, dày 1mm (± 0.2mm), rộng 5mm 2. Loại chữ T, đầu 3lỗ, thân nẹp 4lỗ-7lỗ, dài tối thiểu 35mm, nẹp dày 1.5mm (± 0.3mm), rộng 5mm
149	PP2600062 516	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi mặt ngoài các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa đầu dưới xương đùi mặt ngoài, sử dụng vít khóa 5.0mm, tự khoan, tự taro, vít xương cứng 4.5mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 10 vít các loại 1. Loại đầu dưới xương đùi Kích thước: đầu nẹp 7lỗ, thân nẹp dài 5lỗ-13lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 155mm, có loại trái và loại phải. 2. Loại đầu dưới xương đùi mổ ít xâm lấn Kích thước: nẹp dài 5lỗ-13lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 155mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.5mm (± 0.3mm),

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				thân nẹp dày 5.5mm, đầu nẹp rộng 35mm, thân nẹp rộng 16.5mm
150	PP2600062 517	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài các cở	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài, sử dụng vít khóa 5.0mm, tự khoan, tự taro, vít xương cứng 4.5mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 01 nẹp + 8 vít các loại 1. Loại đầu trên xương chày mặt ngoài Kích thước: đầu nẹp 5lỗ, thân nẹp dài 3lỗ - 13lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 105mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm, thân nẹp dày 5mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng 40mm (± 1mm), thân nẹp rộng 15mm (± 0.5mm). 2. Loại đầu trên xương chày mặt ngoài mổ ít xâm lấn Kích thước: nẹp từ 5lỗ-13lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 140mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 3mm, thân nẹp dày 5mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng 20mm (± 1mm), thân nẹp dày 15mm (± 1mm).
151	PP2600062 518	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày các cở	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa đầu dưới xương chày, sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 01 nẹp + 8 vít các loại 1. Loại đầu dưới xương chày mặt trong Kích thước: nẹp từ 4lỗ-14lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 105mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm (± 0.2mm), thân nẹp dày 4mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng tối đa 20mm (± 0.5mm), thân nẹp rộng 11mm (± 0.5mm) 2. Loại đầu dưới xương chày mặt ngoài trước bên Kích thước: đầu nẹp 4 lỗ, thân nẹp 5lỗ - 21lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 80mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm (± 0.2mm), thân nẹp dày 3.5mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng 42mm (± 0.5mm), thân nẹp rộng 13mm (± 0.5mm).
152	PP2600062 519	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong chữ T/ L các cở	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong chữ T và chữ L, sử dụng vít khóa 5.0mm,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				tự taro, vít xương cứng 4.5mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 8 vít các loại 1. Loại đầu trên xương chày mặt trong (chữ L) Kích thước: đầu nẹp 3 lỗ, thân nẹp dài 4lỗ - 14lỗ, chiều dài tối thiểu 80mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$), thân nẹp dày 4mm ($\pm 0.2\text{mm}$), đầu nẹp rộng 20mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp rộng 11mm ($\pm 0.5\text{mm}$). 2. Loại đầu trên xương chày mặt trong (chữ T) Kích thước: đầu nẹp 3 lỗ, thân nẹp 4lỗ - 10lỗ (bước tăng 2), chiều dài tối thiểu 105mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$), thân nẹp dày 3.5mm ($\pm 0.2\text{mm}$), đầu nẹp rộng 30mm ($\pm 3\text{mm}$), thân nẹp rộng 12mm.
153	PP2600062 520	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá đầu dưới xương mác, sử dụng vít khoá 2.4mm/ 2.7mm/ 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm + Kích thước: nẹp 3lỗ-7lỗ (bước tăng 1), chiều dài tối thiểu 70mm, có loại trái và loại phải, đầu nẹp dày 2.0mm ($\pm 0.5\text{mm}$), thân nẹp dày 2mm ($\pm 0.2\text{mm}$), đầu nẹp rộng 14mm, thân nẹp rộng 9mm ($\pm 0.5\text{mm}$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp khóa + 7 vít các loại
154	PP2600062 521	Bộ nẹp khóa xương gót các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khóa xương gót sử dụng vít khóa 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm: 1. Loại nẹp lưới: 8lỗ, 12lỗ, dài tối thiểu 50mm, có loại trái và loại phải, nẹp dày 2mm, rộng 50mm ($\pm 5\text{mm}$). 2. Loại nẹp bên: 12lỗ, 14lỗ, dài tối thiểu 60mm, có loại trái và loại phải. 3. Loại combo: 8lỗ, 10lỗ, chiều dài tối thiểu 55mm, có loại trái và loại phải. 4. Loại mỏm trước xương gót: 3lỗ, 4lỗ, chiều dài tối thiểu 30mm, có loại trái và loại phải. 5. Loại sau xương gót: 3lỗ, 4lỗ, chiều dài tối thiểu 35mm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				Bộ gồm: 1 nẹp + 6 vít các loại
155	PP2600062 522	Bộ nẹp khóa xương chậu các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá xương chậu, xương mu, sử dụng vít khoá 3.5mm, vít xương cứng 3.5mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại 1. Loại nẹp cong, dạng mắc xích - Kích thước: nẹp từ 6lỗ đến 16lỗ (bước tăng 2) 2. Nẹp khoá xương mu - Kích thước: nẹp 4lỗ, 6 lỗ
156	PP2600062 523	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay các cỡ	Bộ	- Chất liệu: Titanium - Nẹp khoá đa hướng đầu dưới xương quay mặt lòng, trên nẹp có ren khoá đa hướng, sử dụng vít khoá 2.4mm/ 2.7mm, vít khoá đa hướng 2.4mm, vít xương cứng 2.4mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Bộ gồm: 1 nẹp + 7 vít các loại 1. Loại nẹp đầu 6lỗ - Kích thước: đầu 6lỗ, thân 2lỗ, 3lỗ, 4lỗ, 5 lỗ, chiều dài tối thiểu 45mm, có loại trái và loại phải, đầu và thân nẹp dày 2mm (± 0.2mm), đầu nẹp rộng 22mm, thân nẹp rộng 7mm (± 0.5mm), 2. Loại nẹp đầu 7lỗ - Kích thước: đầu 7lỗ, thân 2lỗ, 3lỗ, 4lỗ, 5lỗ, 7lỗ, 9lỗ, 11lỗ, chiều dài tối thiểu 45mm, có loại trái và loại phải.
157	PP2600062 524	Nẹp cố định ngoài kiểu orthofix chấn thương thân xương	Bộ	- Chất liệu: Aluminum, stainless steel/ hoặc titanium - Bộ gồm: - Kẹp định thẳng x 2 - Thân nẹp x 1, các cỡ 0mm-80mm/0mm-40mm/ 0mm-20mm/ mini - Bộ điều chỉnh nén ép-kéo giãn x 1 - Khớp nối x 2 - 4 Pin: Đường kính thân đinh 4.0mm - 6.0mm, đầu ren 2.5mm - 6.0mm - Dài: 80mm đến 250mm, Tự khoan, tự taro - Chìa vặn các cỡ
158	PP2600062 525	Nẹp cố định ngoài kiểu orthofix chấn thương đầu xương	Bộ	- Chất liệu: Aluminum, stainless steel/ hoặc titanium. - Bộ gồm : - Kẹp định thẳng x 1

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				- Thân nẹp x 1, các cỡ 0mm-80mm/0mm-40mm/ 0mm-20mm/ mini - Bộ điều chỉnh nén ép-kéo giãn x 1 - Khớp nối x 2 - Kẹp chữ T / hoặc kẹp Metaphyseal/ hoặc ultra-T clamp/ hoặc ankle clamp/ hoặc angled clamp - 4 Pin: Đường kính thân đinh 4.0mm đến 6.0mm, đầu ren 2.5mm đến 6.0mm - Dài: 80mm đến 250mm, Tự khoan, tự taro - Chia vụn các cỡ
159	PP2600062 526	Nẹp cố định ngoài kiểu orthofix chỉnh hình người lớn	Bộ	Chất liệu: Aluminum, stainless steel/ hoặc titanium. Bộ gồm: - Thân nẹp trượt cỡ 400mm/ hoặc 300mm/ hoặc 230mm - Kẹp pin trung tâm - Kẹp pin thẳng x 2 - Bộ điều chỉnh nén ép-kéo giãn x 2 - 4 Pin: Đường kính thân đinh 4.0mm đến 6.0mm, đầu ren 2.5mm đến 6.0mm - Dài: 80mm đến 250mm, tự khoan, tự taro - Chia vụn các cỡ
160	PP2600062 527	Nẹp cố định ngoài kiểu orthofix chỉnh hình trẻ em	Bộ	- Chất liệu: Aluminum, stainless steel/ hoặc titanium Bộ gồm: - Thân nẹp trượt cỡ 250mm/ hoặc 200mm/ hoặc 150mm - Kẹp pin trung tâm - Bộ điều chỉnh nén ép-kéo giãn x 2 - 4 Pin: Đường kính thân đinh 4.0mm đến 6.0mm, đầu ren 2.5mm-6.0mm - Dài: 80mm đến 250mm, tự khoan, tự taro - Chia vụn các cỡ
161	PP2600062 528	Nẹp cố định ngoài kiểu orthofix khung chậu hoặc tương đương	Bộ	Chất liệu: Aluminum, stainless steel/ hoặc titanium Bộ gồm: - Kẹp T-clamp / hoặc kẹp thẳng x 2 - Thân nẹp khung chậu ngắn/ hoặc thân nẹp khung chậu dài - Khớp nối x 2 - 4 Pin: Đường kính thân đinh 4.0mm đến 6.0mm, đầu ren 2.5-6.0mm - Dài: 80mm đến 250mm, tự khoan, tự taro - Chia vụn các cỡ

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
162	PP2600062 529	Nẹp cố định ngoài kiểu orthofix cổ tay hoặc tương đương	Bộ	Chất liệu: Aluminum, stainless steel/ hoặc titanium. Bộ gồm: - Thân nẹp cổ tay - Kẹp thẳng x 2 Kẹp T-clamp - Khớp nối - 4 Pin: Đường kính thân đinh 4.0mm đến 6.0mm, đầu ren 2.5mm đến 6.0mm - Dài: 80mm đến 250mm, tự khoan, tự taro - Chia vụn các cỡ
163	PP2600062 530	Nẹp cố định ngoài kiểu orthofix mini	Bộ	Chất liệu: Aluminum, stainless steel/ hoặc titanium Bộ gồm: - Thân nẹp mini 85mm/ hoặc 75mm/ hoặc 65mm - Kẹp mini - Núm điều chỉnh nén ép-kéo dãn x 2 - Khớp nối - Thanh nối dọc x 2 - 4 Pin: Đường kính thân đinh 4.0mm đến 6.0mm, đầu ren 2.5mm đến 6.0mm - Dài: 80mm đến 250mm, Tự khoan, tự taro - Chia vụn các cỡ
164	PP2600062 531	Xương nhân tạo dạng hạt dung tích 5cc	Bộ	- Chất liệu exabone HA/TCP 60%HA + 40% TCP, macroporosity: 200 µm -800 µm, microporosity 1.0µm -10µm, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5MPa -7.5MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25 kGy-35 kGy - Dung tích 5cc - Xuất xứ: Châu Âu
165	PP2600062 532	Xương nhân tạo dạng hạt dung tích 10cc	Bộ	- Chất liệu exabone 60%HA + 40% TCP, macroporosity: 200µm -800 µm, microporosity 1.0µm -10µm, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5MPa -7.5MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25kGy -35kGy - Dung tích 10cc - Xuất xứ: Châu Âu
166	PP2600062 533	Xương nhân tạo dạng hạt dung tích 15cc	Bộ	- Chất liệu exabone 60%HA + 40% TCP, macroporosity: 200 µm - 800 µm, microporosity 1.0µm -10µm, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5MPa -7.5 MPa, tiệt trùng bằng Gamma 25kGy - 35 kGy dung tích 15cc - Xuất xứ: Châu Âu
167	PP2600062	Xương nhân tạo dạng	Bộ	- Chất liệu exabone 60%HA + 40%TCP,

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
	534	khối các cỡ		Pore size: 200µm đến 800 µm, porosity: 81%, độ vững chắc 5.5MPa - 7.5MPa, dạng khối 10mm x 10mm x 20mm/ 10mm x 10mmx 30mm/ 10mm x10mm x 40mm, tiệt trùng bằng Gamma 25kGy - 35 kGy - Xuất xứ: Châu Âu
168	PP2600062 535	Xương nhân tạo dạng bơm dễ định hình, 5cc	Bộ	Chất liệu gồm: - 83.5% HA dạng paste gồm 38wt %HA (Ca10(PO4)6(OH)2 + 62wt% H2O tinh khiết - 16.5% HA/TCP dạng hạt (0.5nm-1.0nm) gồm 60% HA + 40% TCP hạt HA Nano 30nm-50 nm, định hình, không cần trộn. Độ phủ ~100m ² /g. Diện tích bề mặt nano lớn hơn 50 lần -100 lần các loại xương tổng hợp truyền thống Bộ gồm: - 1 xilanh xương paste dạng bơm, dung tích 5cc - 1 ống bơm ngắn, 1 ống bơm dài - 1 cây đẩy - Đóng gói: tiệt trùng bằng Gamma 25kGy-35kGy - Xuất xứ: Châu Âu
169	PP2600062 536	Bộ định nội tủy liên mấu chuyển xương đùi loại ngắn	Bộ	- Chất liệu: titanium - Đường kính tối thiểu 10 mm, chiều dài tối thiểu 180 mm, góc tối thiểu 125 độ. - Có các mặt bên dẹt - Kèm theo tối thiểu 1 vít đường kính tối thiểu 10.5 mm, và tối thiểu 1 vít đường kính 5.0 mm
170	PP2600062 537	Bộ định nội tủy liên mấu chuyển xương đùi loại dài	Bộ	- Chất liệu: titanium. - Đường kính tối thiểu 10 mm, chiều dài tối thiểu 300 mm, góc tối thiểu 125 độ - Có các mặt bên dẹt - Kèm theo tối thiểu 1 vít đường kính tối thiểu 10.5 mm và tối thiểu 1 vít đường kính 5.0 mm.
171	PP2600062 538	Bộ máy tạo nhịp 01 buồng có nhịp đáp ứng vận động, tương thích với máy MRI, kích hoạt chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay	Bộ	- Tương thích với máy MRI, có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay. -Không yêu cầu thời gian chờ sau cấy máy cho việc chụp MRI, hệ thống tạo nhịp đáp ứng tối đa ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực.
172	PP2600062 539	Bộ máy tạo nhịp 02 buồng có nhịp đáp ứng vận động, tương thích với máy MRI, kích hoạt chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay	Bộ	-Tương thích máy MRI, có tùy chọn sử dụng thiết bị cầm tay để lập trình thiết bị trước và sau khi chụp MRI. - Không yêu cầu thời gian chờ sau cấy máy cho việc chụp MRI, hệ thống tạo nhịp cung cấp khả năng đáp ứng ngưỡng tối đa và an toàn cho bệnh nhân với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung, tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực, có cảnh báo loạn nhịp AT/AF có thể lập trình được.
173	PP2600062 540	Bộ máy tạo nhịp vĩnh viễn 01 buồng có đáp ứng chụp MRI và phụ kiện chuẩn	Bộ	- Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. - Tương thích với máy MRI - Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. - Có chức năng gợi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. - Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút
174	PP2600062 541	Bộ máy tạo nhịp vĩnh viễn 02 buồng có đáp ứng chụp MRI và phụ kiện chuẩn	Bộ	- Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. - Tương thích với máy MRI - Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. - Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. -Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút.
175	PP2600062 542	Máy tạo nhịp 02 buồng, đáp ứng tần số, tương thích MRI	Cái	- Máy tạo nhịp 2 buồng tương thích với máy MRI, nhịp thích ứng DDDR, -Có chức năng Capture Control ở RA và RV, chương trình IRS Plus với thời gian nhĩ thất lên đến 400ms, chương trình Autosensing, Auto - Initialization. - Nhịp cơ bản có thể điều chỉnh lên 200 bpm. Thời gian hoạt động tối thiểu 10 năm.
176	PP2600062 543	Dây dẫn tín hiệu cho máy tạo nhịp tim	Cái	Dây điện cực tạo nhịp tương thích máy MRI, dùng kim chọc kích cỡ 6F, chiều dài

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				55 cm (± 2 cm) và 60 cm (± 2 cm)
177	PP2600062 544	Dây tạo nhịp tạm thời	Cái	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời kích cỡ 5F, chiều dài tối thiểu 110cm, chất liệu thép không rỉ
178	PP2600062 545	Máy tạo nhịp 1 buồng đáp ứng tần số VVIR, tương thích với máy MRI	Cái	Máy tạo nhịp 1 buồng tương thích với máy MRI, đáp ứng tần số VVIR. Có Auto Sensing, Auto - initialization, Capture Control, nhịp cơ bản có thể điều chỉnh lên tới 200 bpm. Thời gian hoạt động tối thiểu 10 năm.
179	PP2600062 546	Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu, che đậy các lỗ khoan sọ	Cái	- Chất liệu nhựa sinh học polycaprolacton. - Trạng thái xốp: 40% - 85%. - Kích thước lỗ từ 250 μ m đến 1600 μ m.
180	PP2600062 547	Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu, kích thước tối thiểu 100mm x 3.5mm x 4mm	Cái	- Kích thước: 100mm x 3.5mm x 4mm, kích thước lỗ 250 μ m -1600 μ m. - Chất liệu: Nhựa sinh học Polycaprolacton. - Đặc tính: Trạng thái xốp 40%-85%. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo. - Tiêu chuẩn: CE
181	PP2600062 548	Keo sinh học vá mạch máu và màng não, thể tích 5ml	Cái	- Dung tích: 5ml - Bộ gồm xylanh kép có 2 ống trộn, 1 ống chứa dung dịch Polyethylene Glycol (PEG) và 1 ống chứa dung dịch màu trong trilysine amine/ buffer. - Tiêu chuẩn: FDA - Đóng gói: Tiệt trùng
182	PP2600062 549	Miếng vá màng cứng loại tự dính, kích cỡ (10 cm x 12.5cm) ($\pm 0,2$ cm)	Cái	- Kích cỡ: 10cm x 12.5cm (± 0.2 cm). - Chất liệu Ultra Pure Collagen hoặc Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin. - Đặc tính tự dính, tự tiêu, hấp thu biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng.
183	PP2600062 550	Miếng vá màng cứng loại tự dính, kích thước chiều dài tối thiểu 4cm, rộng tối thiểu 5cm	Cái	- Kích cỡ: 4cm x 6cm ($\pm 0,2$ cm) - Chất liệu: Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin - Đặc tính tự dính, tự tiêu, hấp thu biến thành màng cứng tự thân sau khoảng 12 tháng,
184	PP2600062 551	Đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống cổ có khớp động	Cái	Kích thước: Chiều cao nằm trong phạm vi: 5mm đến 8mm, rộng x dài: 14 mm x12.5mm, hoặc 16 mm x15mm. Độ uốn: tối đa 4độ. Chất liệu: Chất liệu TiAl6V4 endplate, lõi giữa bằng Poly Carbonate Urethane

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				Đặc Tính: Đĩa đệm cổ nhân tạo chuyên động sinh lý 6 mặt phẳng, có giảm xóc trực dọc Chất liệu TiAl6V4 endplate, không sử dụng UHWMPE Tiêu Chuẩn: Đạt chứng nhận CE (MDR). Đóng gói: Tiệt trùng sẵn. Xuất xứ: Các nước G7.
185	PP2600062 552	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất xuống ổ bụng, có thể điều chỉnh áp 5 mức áp lực, dạng có khóa	Bộ	- Kích thước: đường kính van 16mm. Kèm theo: Dây thoát dịch não thất, dài 23 cm, đường kính trong 1.3 mm đường kính ngoài 2.5 mm Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1.1 mm đường kính ngoài 2.5 mm - Chất liệu: vỏ van bằng polysulfone - Đặc tính: Van có khóa chống thay đổi áp lực Van Có 05 mức lực từ 30mm H₂O - 70mm H₂O -110mm H₂O - 150mm H₂O - 200mm H₂O. - Xuất xứ: Các nước G7/ Châu Âu - Đóng gói: 1 bộ tiệt trùng 2 lớp - Yêu cầu khác: Kèm dụng cụ que luôn vp shunt và trocar ổ bụng.
186	PP2600062 553	Dây dẫn nước trong nội soi tương thích với máy bơm lưu lượng nước tối thiểu 2,5lít/phút	Cái	- Chất liệu: plastic. - Lưu lượng nước lên tới 2.5 lít/phút, có hộp điều khiển. - Tổng chiều dài dây tối thiểu 4,5m. - Tiêu chuẩn: FDA hoặc EU/EC
187	PP2600062 554	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio, đường kính phần thân tối thiểu 3,5mm	Cái	- Đầu đốt dùng công nghệ bằng sóng cao tần, - Nhiệt độ cắt đốt: 40 độ đến 70 độ - Đường kính mũi tối thiểu 5.25mm. - Đường kính phần thân 3.75mm. - Chiều dài làm việc tối thiểu 13cm. - Đầu mũi nghiêng 90độ. - Tiêu chuẩn: FDA hoặc EU/EC
188	PP2600062 555	Lưỡi bào xương dùng trong phẫu thuật đường kính từ 3,5mm đến 5,5mm	Cái	Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. - Có các loại đường kính 3,5mm, 4.5mm, 5.5mm. - Chiều dài làm việc 7cm, 18cm, 13,3cm.

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				(tùy theo đường kính) - Đóng gói vô trùng, dùng một lần, - Tiêu chuẩn: FDA hoặc EU/EC
189	PP2600062 556	Vít treo gân vật liệu bằng titanium, đường kính 4,5mm các cỡ	Cái	- Thiết kế chốt: 4 lỗ, chiều dài chốt: 12 mm, chiều rộng chốt 4mm, dày 2 mm - Chiều dài vòng treo gân: tối thiểu 10 mm - Chất liệu: Chốt làm bằng titanium - Vòng treo gân: vật liệu Polyester - Tiêu chuẩn: FDA hoặc EU/EC
190	PP2600062 557	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu các loại, các cỡ	Cái	- Đường kính 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 11mm - Chiều dài tối thiểu 20 mm - Chất liệu: Sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA) - Tiêu chuẩn: FDA hoặc EU/EC
191	PP2600062 558	Khớp háng chuyển động đôi toàn phần không xi măng	Bộ	1. Đầu xương đùi (chỏm): - Vật liệu: thép không gỉ. - Kích cỡ: 12/14 đường kính trong phạm vi từ 22 mm đến 28 mm. 2. Lớp đệm (liner): - Vật liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích cỡ: 44-60 bước tăng 2 3. Ổ cối (cup): - Vật liệu: hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: titanium và hydroxyapatite - Vành ngoài có tối thiểu 6 đỉnh cố định, đỉnh ổ cối có tối thiểu 4 đỉnh. - Kích cỡ: 44-60 với bước tăng 2 4. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): - Vật liệu: hợp kim titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: titanium và hydroxyapatite - Góc cổ chuôi tối thiểu 135 độ, cổ chuôi 12/14, 5 độ 40 phút - Kích cỡ: Có tối thiểu 9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài trong phạm vi 87mm-170mm Đóng gói: tiệt trùng bằng tia Gamma. Xuất xứ: Các nước G7
192	PP2600062 559	Khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ	1. Đầu xương đùi (chỏm): - Vật liệu: Cobalt Chrome - Kích cỡ: phù hợp cổ côn 12/14, kích thước 22mm; 26mm; 28mm; 32mm; 36mm

STT	Mã phần lô	Tên phần lô/danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu tính năng kỹ thuật
				(mỗi size có tối thiểu 04 offset) 2. Lớp đệm (lớp lót): - Vật liệu: XLPE -Crosslinked Polyethylene hoặc tương đương, có tối thiểu 02 loại trong đó có loại nghiêng 20 độ. 3. Ổ cối (cup): - Vật liệu: hợp kim Titanium - Kích cỡ: đường kính ngoài từ 40mm đến 68mm, bước tăng 2mm 4. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): không xi măng phủ HA - Vật liệu: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V phủ HA, phủ Ti-plasma tối thiểu 180 micron, dài từ 119mm đến 171 mm (có tối thiểu 13 cỡ chiều dài) - Góc cổ chuôi: có tối thiểu 03 góc cổ chuôi trong đó có loại 126 độ, 135 độ, 145 độ. Thiết kế tối thiểu ba mặt vát trong đó có mặt vát 8 độ, mặt vát 1.6 độ, mặt vát 7 độ. 5. Vít ổ cối chất liệu titan, đường kính ngoài tối đa 6.5mm, đường kính trong tối đa 4.0mm, dài từ 15 đến 70 mm (có tối thiểu 10 kích cỡ) Tiêu chuẩn: FDA.

Ghi chú:

- Nhà thầu hỗ trợ ghi **STT hàng hóa mời thầu vào trang đầu của từng tài liệu** và **TÔ SÁNG (highlight)** lên thông tin dự thầu: chủng loại/mã sản phẩm, model, nội dung kỹ thuật,... trên các file tài liệu đính kèm như catalog, sổ lưu hành, Giấy chứng nhận chất lượng CE, FDA,...

1.3. Các yêu cầu khác: Không có

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Danh mục bản vẽ		
Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng
	“Không có bản vẽ”	

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Không yêu cầu.

CÔNG TY:
Mã định danh: vn.....

BẢNG THÔNG TIN HÀNG HOÁ DỰ THẦU
Gói thầu: “Gói 04: Vật tư tiêu hao khối ngoại 2026”

STT	Thông tin mời thầu					Thông tin dự thầu										
	STT phân lô	STT DM hàng hóa	Mã phân lô	Tên phân lô	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Mã VTYT (Theo TT04 hoặc QĐ 5086)	Tên VTYT theo QĐ 5086(nếu có)	Chủng loại (model) hoặc mã sản phẩm	Số lưu hành	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng, nước Chủ sở hữu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1																
2																
...																

Ghi chú:

- + Các thông tin kê khai tại Bảng thông tin hàng hóa dự thầu phải đúng với thông tin nhà thầu kê khai tại Mẫu số 10B và Mẫu số 12.1B của Webform.
- + Cột (3) STT danh mục hàng hóa: Điền thông tin theo đúng nội dung của Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) tại cột “STT” của mẫu số 01B – Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV – Biểu mẫu mời thầu;
- + Cột (6) Danh mục hàng hóa: Điền thông tin theo đúng nội dung của Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) tại cột “Danh mục hàng hóa” của Mẫu số 01B - Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV – Biểu mẫu mời thầu ;
- + Cột (7) Mặt hàng dự thầu: Điền thông tin theo đúng nội dung tại cột “Mặt hàng dự thầu” mà Nhà thầu đã kê khai tại Mẫu số 10B và Mẫu 12.1B

trên Webform.

+ Cột (8): Điền mã VTYT theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 hoặc mã VTYT đã được cấp theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021.

+ Cột (9): Điền tên Vật tư y tế tương ứng với mã VTYT (cột 8) đã được cấp theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (nếu có).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Gói thầu: “Gói 04: Vật tư tiêu hao khối ngoại 2026”

Kính gửi : BỆNH VIỆN NHÂN DÂN 115

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) của gói thầu **“Gói 04: Vật tư tiêu hao khối ngoại 2026”**, thuộc dự toán **“Gói 04: Vật tư tiêu hao khối ngoại 2026”**, do Bệnh viện Nhân dân 115 làm Chủ đầu tư, chúng tôi..... [*ghi đầy đủ và chính xác tên của Nhà thầu*], cam kết rằng tất cả các hàng hoá tham dự thầu của chúng tôi đều đáp ứng theo đúng các yêu cầu nêu trong E-HSMT. Cụ thể như sau:

1. Điều kiện lưu hành của thiết bị y tế (TBYT) dự thầu:

- Có nhãn với đầy đủ các thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn hàng hóa;

- Có tài liệu hướng dẫn sử dụng của TBYT bằng tiếng Việt;

- Có tài liệu thể hiện là TBYT sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu TBYT hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành;

2. Cam kết tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, hiệu quả kinh tế, phù hợp với quy mô gói thầu.

3. Tiến độ cung cấp hàng hóa:

- Giao hàng gồm nhiều đợt theo yêu cầu của Bệnh viện;

- Giao hàng trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Nhân dân 115.

4. Cam kết các điều khoản chung:

4.1. Khi cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo về việc hàng hóa trúng thầu có giá trúng thầu cao hơn hàng hoá có cùng chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất,... của các cơ sở khám chữa bệnh khác và cơ quan Bảo hiểm xã hội từ chối thanh toán phần chênh lệch giá tương ứng với số lượng hàng hóa đã sử dụng trước đó, thì Nhà thầu sẽ giảm giá cho Bệnh viện bằng với giá trúng thầu của cơ sở khám chữa bệnh đó, đồng thời Nhà thầu có trách nhiệm bồi hoàn số tiền chênh lệch theo văn bản của cơ quan Bảo hiểm xã hội gửi Bệnh viện trên cơ sở thương thảo thống nhất giữa nhà thầu và Bệnh viện; hoặc thị trường có sự điều chỉnh giảm thì Nhà thầu giảm giá cho Bệnh viện;

4.2. Tại thời điểm đối chiếu tài liệu, cam kết cung cấp, cập nhật mã vật tư y tế theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 hoặc theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021;

4.3. Cam kết cung cấp bản gốc hoặc bản sao y tờ khai hải quan của các hàng hóa nhập khẩu đã cung ứng cho Bệnh viện khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bệnh viện (trường hợp yêu cầu này được đưa ra từ cơ quan chức năng có thẩm quyền);

4.4. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, đảm bảo đúng với các thông tin sản phẩm đã được phê duyệt trúng thầu, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, quy cách hàng hoá và giao hàng đến kho của Bệnh viện Nhân dân 115;

4.5. Hàng hóa do nhà thầu cung cấp, nếu bị lỗi do nhà sản xuất hoặc hết thời hạn sử

dụng hoặc bị lỗi trong quá trình vận chuyển đến kho Bệnh viện Nhân dân 115, nhà thầu sẽ tiến hành thu hồi và đổi trả, hoặc thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật;

4.6. Thời hạn sử dụng hàng hóa trúng thầu do nhà thầu cung cấp (tính từ thời điểm giao hàng hóa) luôn đảm bảo còn tối thiểu $\frac{1}{4}$ thời hạn;

4.7. Cung cấp một bộ Hồ sơ quản lý chất lượng TBYT khi có yêu cầu của Bệnh viện;

4.8. Các thiết bị y tế dự thầu thực hiện niêm yết giá và kê khai giá theo đúng các quy định tại khoản 9 và 10 của Nghị định 07/2023/NĐ-CP;

4.9. Không vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có) tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu;

4.10. Đảm bảo TBYT dự thầu an toàn, chất lượng, phân loại đúng mức độ rủi ro và công bố tiêu chuẩn áp dụng, đăng ký lưu hành đúng quy định của Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất của Nghị định;

4.11. Đối với các vật tư y tế dùng trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình và phẫu thuật ngoại thần kinh, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị, trợ cụ (gồm khoan, mũi khoan, cưa xương và các trợ cụ phù hợp); đối với các vật tư y tế khác, nhà thầu cam kết cung cấp thiết bị y tế và trợ cụ liên quan nhằm bảo đảm việc sử dụng hàng hóa trúng thầu phục vụ cho các ca phẫu thuật, thủ thuật theo nhu cầu chuyên môn của Bệnh viện khi có yêu cầu. Tất cả các thiết bị, trợ cụ nêu trên bảo đảm nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng và được phép lưu hành theo đúng quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hợp nhất có liên quan;

Chúng tôi [ghi đầy đủ và chính xác tên của Nhà thầu], cam kết sẽ thực hiện đúng theo tất cả các cam kết nêu trên. Các tài liệu trong Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) này đều chính xác, nếu có dấu hiệu gian lận hoặc không trung thực thì E-HSDT xem như không hợp lệ.

Chúng tôi cam kết sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của tất cả các thông tin nêu trên./.

_____, ngày ____ tháng ____ năm 2026

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu (nếu ký số thì nộp bản gốc của văn bản có thể kiểm tra được dấu điện tử (nếu có), chữ ký số bằng phần mềm theo quy định))

C/ HƯỚNG DẪN SẮP XẾP CÁC FOLDER ĐÍNH KÈM E-HSDT:

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder, bao gồm:

- +) folder 1: Tính hợp lệ; năng lực – kinh nghiệm
- +) folder 2: Kỹ thuật
- +) folder 3: Tài chính

trong mỗi folder tách riêng các folder con, các file tài liệu (*chi tiết theo cây thư mục dưới đây*).

Ghi chú: Các biểu tượng trong cây thư mục



Màu vàng: folder



Màu xanh: file pdf *hoặc* file excel, ...

**** Nhà thầu hỗ trợ **ghi STT hàng hóa mời thầu vào trang đầu của từng tài liệu và TÔ SÁNG (highlight)** lên thông tin: chủng loại/mã sản phẩm, model, nội dung kỹ thuật,... trên các file tài liệu đính kèm như catalog, sổ lưu hành, ...

SẮP XẾP CÁC FOLDER, FILE trong HSDT:

